

SỐ 1799

BÀI TỰA KINH THỦ LĂNG NGHIÊM SỚ

Trung Tán Đại Phu Thủ Ngự Sử Trung Thừa Sung Lý Kiểm Sử Quyền Phán Lại Bộ Lưu Nội Thuyên Thượng Hộ Quân Lang Da quận, Khai Quốc Hầu hưởng bổng lộc một ngàn chín trăm hộ, thực phong hai trăm hộ, được ban đũa có hình cá vàng là Vương Tùy soạn.

Kinh Đại Phật Đảnh Mật Nhân Liễu Nghĩa Thủ-lăng-nghiêm là phép tắc rộng lớn ở Trúc Càn, là kinh điển báu của vườn pháp. Xưa bậc Năng Nhân xuất hiện ở đời làm rung chuyển năm xứ Ấn-độ, là bậc độc tôn trong ba cõi. Mượn Kim Luân để khai mở muôn vật, hiện tướng lông trắng để ứng thế, quán thọ khổ để cứu giúp mọi vật, thương xót chúng sinh còn đang chìm trong biển khổ chưa được giải thoát. Bởi thế xem xét chí lý, giảng nói lời mâu nhiệm, mở cửa đại từ, bày biển chân như, cho là tất cả pháp chỉ do vọng niệm mà sinh khởi. Tất cả chúng sinh không ngoài nhân duyên mà có. Mới biết sinh tử luân hồi cõi gốc chính là sinh tử, tu chứng thường lạc, thường tuệ là tông yếu, chính là kinh này.

Có khả năng phân biệt các ma, phá diệt bảy đường, chính là chỉ và quán. Tu tâm viên giác diệu minh phát chân về nguồn, chứng Thượng thừa đến chỗ tốt cùng sự tốt đẹp này là Bát-thích-mật-đế dịch ra nghĩa này, Tổ Tướng Phòng Dung ghi nói văn. Nay sư Thích Tuyên ở Giang Ngô là người có học thức cao, biện tài vô ngại. Bởi thế chính là lấy kinh điển làm thời giáo cho một đời. Ngài chia diệu lý thành mười môn, công cứu giúp lớn lao, truyền đạo không hại để trừng mắt chấp tay nói về vọng, hoặc hủy tướng lắng tâm để hội tông, người tin nhận thì làm

rường cột cho đời, người khai ngộ thì nhập vào tri kiến Phật. Mới hiểu rõ văn này làm trụ cột cho số. Nhờ số để nói về lý, cho nên số này có công năng trước khai mở nghi hoặc, sau là giải quyết sự dính mắc, ngộ hầu vạch đám mây mờ để thấy mặt trời trí tuệ. Sau đó, biết sắc không khác, đồng quy về bờ thật. Chúng sinh và Phật không lia gan tấc, tùy theo ý chí mà ở ngoài hộ vệ, dần dần vào chỗ Vô học, nhờ xem qua số này bèn thuật lời tựa dẫn, quy y pháp bảo, mong sao nghiên cứu chân thật rõ ràng, khen ngợi Phật thừa, nguyện làm thấm nhuần khắp đến quả vị cao siêu.

Ngày hai mươi mốt đầu Đông năm Canh Ngọ, niên hiệu Thiên Thánh Thanh long, năm thứ tám đời Đại Tống, năm Tân Sửu Ngai Đạo Trai Đông Can soạn lời tựa.

Duy Tịnh Thượng Vương Trung Cúc thư dịch Tam Tạng Kinh, Đại Phu Triệu Tấn, Thí Hồng Lô Khanh, Đại Sư Quang Phạm ban cho danh hiệu là Tử Duy Tịnh, trình lên Thượng Thư Trung Thừa Các Hạ để nhờ đósau lời tựa số Kinh Thủ-lăng-nghiêm mới soạn. Đặc biệt ban cho sự sủng ái. Đại Sĩ Hồng nho khen ngợi thừa báu. Kẻ tu hành học thức cạn cột xem cú pháp, thân tâm an vui, chủng trí thêm sáng, lãnh thọ quy y, đều ưa thích.

Xem kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ-Lăng-Nghiêm là hạnh môn của Bồ-tát, tâm ấn của Chư Phật, khai pháp hữu vi tức là trần sa diệu dụng, trở về vô tướng tức là chân nguyên của pháp giới, chẳng phải có, chẳng phải không, dứt bất danh tướng, ngoài lưới ngôn giáo, hiện nhân bày quả, phân giai vị trong thân hóa, cảnh không ngại tâm, mê hoặc không ngại trí, tánh bầy đại không có đối đãi, tám pháp trở về, không trở về đâu được, cho nên hiểu rõ tâm chân như, dứt gốc lũng đối, khởi tuệ phương tiện, giảng nói lời bí mật, muôn Pháp viên dung, Chư Phật tự tại, vào hai đế của không hai, ngộ ba không của bất không, thật vĩ đại thay Chân tông không thể suy nghĩ bàn luận, Cao Sĩ Duật Hữu biên soạn chương số giải thích rõ ràng chớ bí mật, nói lược về yếu chỉ của Phật. Cung kính Trung thừa, chắp vào tri kiến Phật, hiểu nhân duyên các pháp, học Phật tu hành, trừ bỏ căn bệnh có không, giảng nói tánh tướng của muôn pháp, nói rõ đầu mối sinh diệt, xây bậc thành hộ pháp, làm người bạn không rời, Cao Sĩ soạn lời tựa dẫn, mở rộng thừa giáo, làm lộ trình cho muôn đời, làm ngọn đuốc soi đường cho đêm dài. Còn về Duy Tịnh, cung kính với đạo lại quen với văn lạ, khâm phục đội ơn nhưng không ưa thích, nên không giảng nói thuận theo, Duy Tịnh cúi đầu.

SỐ 1799

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

Sa môn Tử Tuyên ở Trường Thủy soạn tập

QUYỂN 1
(Phần 1)

*Đảnh lễ Đức Đại sư
Bậc Điều Ngự mười phương
Phật danh Thủ-lăng-nghiêm
Kho Như Lai Đại giác
Các Thánh Chúng tròn sáng
Các vua rồng Thượng Thủ
Thường mở cửa đại từ
Cứu giúp các chúng sinh
Cúi xin che chở con
Bày nói mẫu khó nghĩ
Cùng khắp các hàm linh
Mau chứng biển chân như.*

Để giải thích Kinh này, nên chia ra mười môn:

1. Nhân duyên giáo khởi
2. Thuộc về Tạng thừa nào
3. Phạm vi giáo nghĩa
4. Cơ nghi bao trùm
5. Thể tánh năng thuyên
6. Tông Thú được giải thích

7. Giáo tích trước sau
8. Năm tháng Truyền dịch
9. Dịch chung tựa đề
10. Văn nghĩa giải thích riêng

- Trong phần nhân duyên giáo khởi có hai phần chung và riêng:

a. Chung: Theo nhân mà đáp thỉnh, bày lý độ sinh, hưng khởi giáo lý một đời đều do đây. Như bốn ý của Phật chỉ là một việc nhân duyên lớn muốn giúp cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Tuy hứa cho ba xe nhưng chỉ cho một xe trâu trắng là nhất thừa, không có ba thừa và hai thừa

b. Riêng: Có mười lý do cho nên nói kinh này

1. *Vì chỉ bày Tam-muội chân thật:* Nghĩa là A-nan gặp nạn bởi không có định chân thật cho nên thỉnh phương tiện đầu tiên thành Bồ-đề diệu Xa-ma-tha, Tam-muội, thiên na của Chư Phật, và Phật nói có Tam-ma-đề tên là Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Vương, đầy đủ muôn hạnh, là con đường trang nghiêm mẫu nhiệm duy nhất để vượt ra sinh tử của các đức Như Lai trong mười phương, lại xin trách mình, làm ân huệ cho con nói kệ khen ngợi ít có.

Cho đến Như Lai khen ngợi gọi là Tam-muội Kim Cương Vương như huyền, khuyên nói viên thông, Văn-thù chọn lựa chỉ ra Chư Phật ba đời đồng một pháp môn này. Đạo tràng gia hạnh, thành tựu Thánh vị, đặt tên kinh này phá diệt bảy đường, phân biệt các ma đều là đây.

2. *Vì phá hết các vọng chấp:* Nghĩa là A-nan chấp vọng mê chân, vua Ba-tư-nặc chấp thường là đoạn, bảy chỗ gạn tâm, ba lần nghi thưa hỏi, Phật lại nói rằng: Nếu ông chấp phân biệt giác quán là tâm ông. Cho nên y theo tâm thấy hai môn tùy chấp mà phá đủ, tướng chấp này không lìa người và pháp.

3. *Vì khai bày tâm mẫu sáng:* Nghĩa là A-nan ban đầu thỉnh Tam-muội, Phật trước xét hỏi về phát tâm. Đã trình bày nguồn gốc của ái kiến toàn là mê thể chân thật, bèn nói: Chúng sinh từ vô thủy sinh tử nối nhau, đều do không biết chân tâm thường trụ, mẫu nhiệm sáng suốt này chính là Bồ-đề Niết-bàn thể vốn thanh tịnh, cho nên A-nan tự trách không biết vắng lặng thường hằng. Như Lai hứa khả phát tánh diệu minh, trước là tâm thấy hai môn vừa nêu, vừa bày, sau là y theo ba khoa bảy đại, hiển hội rõ ràng (tám trăm hai mươi bốn), làm cho đối với các pháp đều thấy tánh thường, đều cùng khắp, đều dung chứa vô ngại, chúng đều lãnh ngộ, tự biết tâm trùm khắp mười phương, tất cả vật đều là thể mẫu Bồ-đề, vốn là minh tâm trùm khắp cả mười hư không, mười

phương, thân, cỡi, hư không hiểu rõ không thật có, chỉ có một bốn diệu thường trụ bất diệt, lòng từ tràn đầy, nghi ngờ đối với tướng, có A-nan lại trách nhân duyên, Phật tùy theo mở bày, giúp cho được tri kiến.

4. *Vì quyết dứt nhiều lưới nghi*: Nghĩa là Phật hiển bày cái thấy chân chánh, A-nan hễ đâu thì sinh nghi đó, hoặc dứt, lìa thân, nhân duyên tự như vậy. Hoà hợp, phi hợp tướng chấp, tánh nghi, các đại biến viên, dứt vọng sinh vọng, thành chân, không chân, tu nhân vô thường được quả thường trụ.

Lưới nghi đã nhiều, Phật tùy theo mà cắt đứt.

5. *Môn phân tách tu hành*: Nghĩa là Phật chỉ rộng về tạng thể, thích nêu ví dụ hiểu sâu hiện tiền: Thiên Vương ban cho ngôi nhà đẹp, tuy biết việc ban cho sẽ vào cửa không, đã được học rộng không tu tập bằng, cho nên thưa hỏi rằng:

Từ đâu mà niếp phục phan duyên xưa nay để nhập vào tri kiến Phật? Phật nói hai nghĩa quyết định để phát giác tâm ban đầu, đó N là chỉ và quán, đây là then chốt. Trước làm cho dừng lặng xoay về vọng, thành bất sinh diệt. Kế là suy xét tường tận về phiền não, biết nguồn gốc mà hàng phục chúng. Một căn đã trở về thì các căn khác cũng tự xoay về, các vọng dứt mất, không chân làm sao đối đãi.

6. *Vì phân biệt tà chánh để tu hành*: Nghĩa là A-nan đã ngộ, tu hành. Đời sau không biết tà chánh, tuy mong chánh đạo nhưng thường rơi vào tông tà. Nước rưới tràn ra ngoài hoặc cho là đủ. A-nan lại thỉnh rằng: Chúng sinh cách Phật ngày càng xa, thầy tà nói pháp rất nhiều, muốn làm cho tâm chúng sinh nhập vào Phật thừa, lìa ma không lui sụt.

Phật nêu bốn thứ khuyên dạy rằng các Thánh cùng một đường, giới căn không thiếu, định tuệ đáng y cứ.

Nếu không giữ giới cấm, thiền tuệ sâu rộng thì quyến thuộc của ma, dân ma khó thể tránh khỏi, mong tiến lại lùi, thật là đáng buồn.

7. *Vì hiển rõ công năng cao siêu của thần chú*: nghĩa là Khánh Hỷ (A-nan) mắc nạn Ma-đăng-già, Như Lai sai đem thần chú đến cứu, nương thần lực tuy đến nhưng mật ngữ còn thiếu cái nghe. Thần chú có công năng giữ gìn cửa căn, phòng cứu thói quen đời trước.

Trai giới không bảm thọ mà tự đầy đủ, quả chứng không xa mà chứng đắc, được tiêu nạn được lợi, tự thực hành rồi giáo hóa người, nhân người, quả người đều do đây mà thành việc.

8. *Vì chứng nhập có thứ lớp*: Nghĩa là lý bật tu chứng, sự còn thứ lớp, nghiên về một thì bệnh không hơn, viên thông thì dung cả chân,

tục. Cho nên Không tồn vắng lặng mà lập ra các giai vị.

A-nan biết căn cơ liền thưa hỏi. Như Lai liền khai thị, bắt đầu từ thứ lớp, cuối cùng ở quả cùng tột. Đối với Vô Sinh nhẫn, lập năm mươi bảy giai vị không dứt, mà dứt hoặc chướng sẽ mất. Không chứng mà chứng, thân dụng ngay đây được đầy đủ, đâu đồng với tà ma ngoại đạo đều không có thứ lớp ư?

Văn kinh nói: *Các địa này đều dùng Kim Cương quán sát mười ví dụ sâu xa như huyền. Trong Xa-ma-tha dùng Tỳ-Bà-Xá-Na của các Như Lai thanh tịnh tu chứng, thứ lớp thâm nhập.*

9. Vì chỉ rõ các cảnh ma: Nghĩa là người tu thiền quán có lúc mới bắt đầu, mà ít người có chung, cuộc, vì không rõ cảnh ma, sinh chấp đắm.

Không rõ duy tâm nên phân phái các đạo.

Lòng từ của Phật không có duyên, không hỏi mà tự nói, trong quán phá ấm, mỗi ấm có mười thứ.

Năm mươi cảnh giới phân tách nguồn gốc của tà, đời Mạt pháp tu thiền khởi bị mê hoặc.

10. *Nghiên cứu tận nguồn gốc vọng tưởng*: Nghĩa là năm ấm các kinh đều nói, chưa nghe thì thành năm vọng tưởng. Nay nói rõ phá một ấm thì sinh ra một vọng tưởng, phá thì từ thô đến tế.

Khởi thì từ tế mà hiện thô. Nguồn gốc của nó chỉ một thức ấm. Thức ấm không có thật thể chỉ là viên thường. Văn kinh nói: Vắng lặng vào hợp, vắng lặng trở về bờ mé của thức. Đã biết năm ấm đều là vọng tưởng. Năm ấm thu nhiếp pháp, đâu có gì không bao gồm.

Luận nói: Tất cả các pháp chỉ nương vào vọng niệm mà có khác nhau. Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả các pháp. Do mười ý ấy mà nói kinh này.

Thuộc về Tạng thừa nào? Nghĩa là trong ba tạng thì thuộc về Tu-đà-la. Trong hai tạng thuộc về Tạng Bồ-tát. Như đây nhiếp kia thì gồm đủ hai Tạng, ba Tạng.

Vì trì giới chứng quả có Tiểu Thừa, vì nhỏ nhiệm khó phân tách rõ ràng, các thừa đều thuộc về nhất Thừa, như đây nhiếp kia cũng bao gồm các thừa.

Trong mười hai phần giáo thì thuộc về hai phần Khế kinh, Phương Quảng, sự nhiếp ấy như trước.

- Giới hạn của ba giáo: Theo Đại sư Hiền Thủ thì chia ra hai nghĩa.

1. Ý theo giáo giải thích thông cục bày rõ phạm vi:

Nghĩa là dùng phân giáo có nghĩa để phân giáo. Giáo có năm thứ:

1. Tiểu Thừa giáo, chỉ nói ngã không, dấu ít nói pháp không cũng không hiển rõ, chỉ y theo sáu thức ba độc mà lập ra nhiệm tịnh căn bản, chưa tận nguồn pháp, cho nên có nhiều tranh luận.

2. Đại Thừa Thủ giáo: Cũng gọi là phần giáo. Chỉ nói các pháp đều không, chưa cùng tận lý của pháp Đại thừa, nên gọi là Thủ. Chỉ nói tướng của tất cả pháp có thành Phật hay không thành Phật, nên gọi là phần.

3. Đại Thừa Chung giáo: Cũng gọi là Thật giáo, nói Như Lai Tạng tùy duyên thành thức a-lê-da, duyên khởi vô tánh, tất cả đều Như như. Nhị thừa Định tánh, xiển-đề vô tánh, đều sẽ thành Phật. Mới cùng tận được thuyết của Đại thừa, cho nên gọi là Chung, và xứng với thật lý nên gọi là Thật.

4. Đại thừa Đốn giáo: Đều không nói về pháp tướng, chỉ nói về chân tánh, cũng không có tướng khác nhau của tám thức, trách giáo khuyên lìa, hủy tướng mất tâm chỉ một niệm bất sinh thì gọi là Phật, không nương vào địa vị thứ lớp nên nói là Đốn.

5. Nhất Thừa Viên Giáo: Nói chỉ là một pháp giới, biến tánh viên dung duyên khởi vô ngại, tức nhau nhập nhau, lưới trời lớp lớp, chủ bạn vô tận.

Nếu ở trong năm thứ này hiển rõ phạm vi của kinh này thì chỉ là Chung giáo, gồm cả đốn viên. Nếu dùng kinh này và năm giáo nhiếp lẫn nhau thì trong năm thứ chỉ nhiếp ba thứ sau, ở đây nhiếp chung các giáo kia.

1. Y theo pháp sinh khởi, gốc ngọn hiển rõ phạm vi, theo luận Khởi Tín nói về các pháp nhiệm, gốc ngọn có năm: Trong tâm quán, chỉ có nhất tâm làm gốc.

2. Y theo một tâm chia thành hai môn.

a) Môn Tâm chân như: Gọi là tâm tánh bất sinh bất diệt.

b) Môn Tâm sinh diệt: Nghĩa là y theo Như Lai tạng và sinh diệt hợp lại gọi là thức a-lê-da.

3. Y theo thức này nói về hai nghĩa:

a) Nghĩa giác: Là tâm thể lìa niệm.

b) Nghĩa bất giác: Là biết không như thật một pháp chân như, bất giác tâm động v.v...

4. Y theo nghĩa sau sinh khởi ba tế.

a) Vì y theo bất giác cho nên tâm động, gọi là Nghiệp tướng.

- b) Vì y theo động cho nên thấy được, gọi là Chuyển tướng.
- c) Y theo thấy nên cảnh giới vọng hiện, gọi là Hiện tướng.
- 5. Y theo sau cùng mà sinh khởi sáu thô.
 - a) Trí tướng (y cảnh phân biệt, tức pháp chấp đầu sinh).
 - b) Tướng tướng tục (y theo trí khởi niệm không dứt, tức là pháp chấp phân biệt).
 - c) Tướng chấp thủ (vì tâm khởi chấp đắm tức là ngã chấp câu sinh).
 - d) Tướng kế danh tự (ngã chấp phân biệt; bốn loại trên đều là mê hoặc)
 - e) Tướng Khởi nghiệp (là Nghiệp).
 - f) Tướng Nghiệp hệ khổ (là quả báo).

Nếu dùng các tông chính là y theo năm tông này mà hiểu rõ phạm vi. Nghĩa là trời, người chỉ đồng nghiệp báo. Tiểu thừa đồng với bốn loại thô sau. Pháp tướng cùng tột trong ba tế. Chung đốn, viên thông giải thích gốc ngọn mới cùng tột nguồn gốc của một tâm ban đầu. Nguồn gốc của một tâm ban đầu tức là chân tâm thể minh tánh tịnh thường trụ của kinh này. Kinh nêu lên tâm này làm gốc cho tông, vì tất cả nhân quả thế giới như cát bụi do tâm mà thành.

2 Trong căn bản nói là Bồ-đề Niết-bàn vô thủ, vốn nói lên
thế:

Y theo thấy, y theo tâm, hoặc phá hoặc hội, cho đến đủ cả ba khoa bày đại đều nói về tánh nhiệm mầu chân như, tức là môn tâm chân như. Kinh ví dụ liếc mắt chớp tay nhìn ánh sáng đèn, vì tánh sáng do ánh sáng mà phát tánh (tám trăm hai mươi lăm). Thức tình vốn là tánh sáng, tất cả tâm là môn sinh diệt.

Mãn Từ rất nghi ngờ, Phật nêu bốn giác trong sáng nhiệm mầu, tánh giác chấn chấn là sáng, vọng thành làm sáng cái giác. Giác chẳng phải sáng, do sáng mà lập, tức bốn giác là bất giác, rõ ràng tự biết.

Phát chân về nguồn, biết mê thì mê diệt v.v... tức là Thủ giác.

3 Tướng bốn luân: Mờ mịt là không, trong sự mờ tối kết mờ tối thành sắc v.v... tức là ba tế:

Dẫn khởi trần lao phiền não nhóm duyên bên trong, xao động hưởng ra bên ngoài rồi buông lung, hai thứ nghiệp quả và chúng sinh nối nhau tức là năm thứ thô sau. Do đó, kinh này nói về gốc ngọn, người học xem đủ thấy sự sâu kín ấy.

4 Cơ nghi bao trùm: Y theo kinh Viên Giác Sơ lược có hai

thứ:

1. Phân biệt.
2. Cùng khắp.

Trong phần chọn lựa, nghĩa là thích mê đắm danh tướng, dùng văn giải thích, ràng buộc vướng mắc vào hành vị suy cao cảnh Thánh, tình còn ở nơi không, xúc chạm nói không có khách. Tự nương thiên chân, khinh chán tiến tu, cố chấp những điều nghe trước kia, gánh gai bỏ vàng. Như trên đều chẳng phải pháp khí, trái lại là dụng khí trong phần thu lấy, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều được nghe điều ấy và được lợi ích. Nghĩa là hạt giống xưa sâu thì ngộ nhập, can thì tin hiểu. Người không có hạt giống cũng thành chủng tánh Viên đốn.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói ví dụ ăn kim cương, Nếu theo năm tánh thì chính là tánh Bồ-đề, và tánh bất định, gồm cả tánh khác làm nhân duyên xa. Trong ba nhóm là nhóm chánh định làm cho thêm lớp hạnh mầu, lấy bất định làm cho tu tín tâm, là người tà định làm nhân duyên xa.

5. Thể tánh năng thuyết: Lược chia thành bốn môn:

1. Môn Tùy tướng lại có hai:

a) Thể của Thanh danh, cú văn: Vì thể dụng nhờ vào hai tướng giả, thật.

b) Nhiếp chung thể sở thuyết: Nếu không giải thích văn nghĩa thì chẳng phải giáo.

2. Môn Duy thức: Vì hai thứ trước không lìa thức mà biến hiện, nhưng có khác về ảnh tượng bản chất.

3. Môn Quy tánh: Vì thức này vô thể, chỉ là chân như

4. Môn Vô ngại: Tâm cảnh lý sự nhiếp chung nhau, vì một tâm pháp có hai môn:

6. Tông thú sở thuyết, có chung và riêng:

Trước là nói chung nhân duyên của Phật giáo làm tông, vì Thánh giáo của Phật từ cạn đến sâu nói tất cả pháp không ngoài nhân duyên. Nếu sau khi Phật diệt độ, đệ tử Thánh Hiền kế thừa có cả Đại thừa, Tiểu thừa. Tông đồ có năm như Luận Khởi Tín sơ nói: Nói riêng về kinh này lại có chung, chung là cho rằng tâm, cảnh là không, ép ngắt như quẻ rấn.

Kinh nói: *như hoa đốm hư không vốn chẳng thật có, lại kinh nói: Vọng là sắc, không cùng với thấy nghe.*

Tịch: Y tha như bóng hình v.v... Kinh nói hễ sinh, chỗ nào thì diệt hết chỗ đó.

Tánh tạng tròn đầy: Do vắng lặng nên tròn đầy thành thật. Kinh

nói: Cái thấy này và duyên vốn là thể sáng suốt, thanh tịnh Bồ-đề.

Tông là Phạm Thánh bình đẳng, dưới nói mê ngộ, sinh tử hiểu rõ không thật có. Lại, Thánh phạm không hai đường, sinh tử Niết-bàn đều là sóng cuồng. Làm cho người tu hành quên tình (do ngộ tông dưới nói: Tức là trong tâm ông tánh cuồng tự dứt, xoay vần không vọng tưởng).

Giống như Phật (do tình quên, kinh nói dứt vọng chính là Bồ-đề, tức đồng với Như Lai)

Quán hạnh mau thành: Văn nói phương tiện dễ thành tựu làm thú hưởng, lại dùng thú hưởng trước làm tông, giúp cho hoặc nghiệp tiêu trừ (vì ba duyên dứt nên ba nhân chẳng sinh) dứt hẳn luân hồi (nếu được diệu phát Tam-ma-đề thì diệu thường tịch có không cả hai đều không, không hai cũng diệt) khởi thần dụng rộng lớn (không cần mắt trời, tự nhiên quán thấy) thân tâm an vui, được an ổn tự tại hoàn toàn (một là trong vô lượng nhỏ lại hiện lớn v.v...) làm tông thú. Có năm cặp riêng:

1. Giáo nghĩa
2. Sự lý
3. Cảnh hạnh
4. Hạnh tịch
5. Tịch dụng

Đều là trước Tông sau thú.

Năm thứ này cũng là từ trước mà khởi sau, dần dần có lý do lẫn nhau. Tóm lại, không ngoài giải hạnh tu chứng. Trước giải thích tông là Như Lai tạng, thực hành Thủ-lăng nghiêm làm thú. Nghĩa là Phật hứa mở bày chân tu. Lại y theo tâm thì thấy hiểu thông suốt. Kế tu chân định làm tông, chứng thể của tạng kia làm thú. Cho nên dưới thỉnh nói: Tuy được căn nhà lớn nhưng phải có cửa mới vào được v.v....

7. Giáo tích trước sau:

Phật nói kinh này chẳng nói ngay trong một lúc thì phải nói lần lượt. Sự nhóm họp theo loại, chung thành một bộ. Nghĩa là trước Phật nói vua Ba-tư-nặc trong pháp hội trình bày điều nghi, phá bỏ chấp đoạn kia. Sau đó, đến A-nan nghi hỏi bảy đường. Nêu việc vua Lưu-ly giết cả giòng họ Thích, Tỳ-kheo Thiện Tinh nói càn về pháp không, cả hai còn sống đã rơi vào địa ngục. Lưu-ly há chẳng phải là con của vua Ba-tư-nặc ư? Sau khi vua băng, ông lên ngôi giết sạch dòng họ Cù-đàm, chẳng lẽ có việc chưa hình thành mà hỏi trước ư? Nên biết kinh này chẳng phải nói ngay trong một lúc. Nếu dùng văn nghĩa đi đến định tức là Pháp Hoa có sau, Niết-bàn có trước.

Văn kinh nói Da-thâu được thọ ký, Trì địa chứng kinh, dùng nghĩa

đi đến suy luận, tựa khen Thanh văn, chẳng phải y cứ vào hạnh nhỏ, ứng thân vô lượng độ thoát chúng sinh. Vì trước Pháp Hoa thì không có lời khen thế, Thanh Văn vào chân thật, Pháp Hoa cũng không hiển bày. Vì Kinh này có nên đều nói về viên thông. Những người tu Tiểu thừa đều trình bày lúc đó, hoặc thuật lại nay gặp đều là chứng tận viên diệu.

Trước Pháp Hoa không có, nên biết ở sau. Nhưng lại không tuyên bố lúc nào nhập diệt, chắc chắn trước Niết-bàn, hai kinh đồng bộ, trong kinh này đều là vị đề hồ không có nghi ngờ.

8. Thời gian truyền dịch:

Ở dưới nói: Ngày hai mươi ba tháng năm, năm Ất Tỵ, niên hiệu Thần Long năm đầu đời Đại Đường, Sa-môn Bát-thích-mật-đế người Trung Thiên-trúc dịch tại đạo tràng Chế Chỉ ở đất Quảng Châu, trước là đem ba Tạng bản Phạm vượt biển đến chùa Chế Chỉ ở Quảng Châu, gặp Tể tướng Phòng Dung biết tiếng Nam Thuyên, nghe có kinh này bèn thỉnh đối dịch.

Phòng Dung làm người ghi nói, Sa-môn-Di-già-thích-ca nước Ô-trường dịch ngữ. Lúc phiên dịch kinh mới xong, ba tạng bị Bồn Quốc đến lấy. Tần Vương nghiêm chế trước không cho phép ra khỏi nước, Tam Tạng, âm thầm đến biên giới thì bị quở trách, vì giải nạn này bèn bỏ trở về. Phòng Dung mới đến đất Tần, lại gặp Trung Tông mới nối ngôi, chưa rảnh tuyên bố, mục lục thiếu sách. Bảy giờ, người học thiền nhờ vào đạo tràng nên được bốn truyền viết, hay lại bí mật bèn đưa về đất Bắc. Đại Thông ở trong đó, đích thân gặp vua Tần, lại nói kinh mang theo mình, trở về chùa Độ Môn ở Kinh Châu, có Sa-môn Tuệ Chấn Quán Đào thời Bắc Ngụy tìm hỏi linh tích, thường kính mến kinh này, ở chùa Độ Môn bèn gặp bốn này. Mới được phân khoa. Lại theo sa môn Trí Thăng ở Khai Nguyên soạn Thích Giáo Mục Lục, hai mươi quyển.

Trong quyển thứ chín nói: Kinh Đại Phật Đảnh Thủ- lăng-nghiêm mười quyển, do sa-môn Hoài Dịch dịch ở Quảng Châu đời Đường. Hoài Dịch theo người Quảng Châu trụ chùa Nam Lô núi La-Phù học kinh luận trong thời gian khá lâu, đủ vận năm Phạm. Do đến Quảng Phủ bèn gặp một vị Phạm tăng chưa rõ tên tuổi, bèn đối văn cùng dịch, khắc thành mười quyển. Đề mục của kinh, chỉ số câu văn không khác với bản của Ngài Phòng Duy, Ngài Hoài Dịch ghi lại yếu chỉ của kinh, tiếp nối văn lý. Nay rõ hai kinh, người dịch tuy khác nhưng bản dịch thì đồng. Hoặc sợ Hoài Dịch nhân chứng nghĩa đều y theo lưu hành, cho nên nay mục lục ghi nói có khác. Nếu không như thế chẳng lẽ không có chỗ

khác nhau nào, tên người chủ dịch há chưa rõ hay sao? Hai bốn đã đồng nay giải bốn của Phòng Dung.

9. Giải thích chung tựa đề:

Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm.

Kinh có năm tên, đề mục có ba tên.

Nghĩa là người đủ giáo hạnh lý, nhân quả hiển mật đều phải đầy đủ, trước là lược phối. Ba chữ trên là chung, tức là một thể của kinh pháp, bao gồm cả giáo, lý, hạnh, quả. Giáo hạnh là chỉ rõ, lý quả nghĩa là bao gồm.

Chỉ rõ: Văn nói có Tam-ma-đề tên là Đại Phật Đảnh, đây là chỉ cho hạnh. Lại nói: Nhờ thần chú của Chư Phật Đảnh Như Lai. Lại nói, cũng gọi chú này là Như Lai Đảnh. Đây là chỉ cho Giáo, giáo gồm có hiển và Mật. Hiển là hiểu rõ chỉ bày giúp cho ngộ, tu hành không có vọng tưởng. Tức là lần lược các văn, bí mật thọ trì làm cho chướng ngại tiêu trừ, công đức thấm nhuần chính là lời của thần chú.

Nghĩa hàm: Nghĩa là tịch chiếu, chứa đựng hư không nên gọi là đại. (tám trăm hai mươi sáu)

Tánh giác mâu nhiệm cho nên gọi là Phật. Đây là nói về lý. Ta vì bất diệt, bất sinh. Hợp với Như Lai tạng trùm khắp pháp giới, nên gọi là Đại.

Sáng cùng tột tức là Như Lai, nên gọi là Phật, đây là nói về quả. Đảnh nghĩa là nghĩa ấy chí cực vô thượng, nếu dùng ba chữ này hoàn toàn nói theo lý thì thể của Tạng trùm pháp chứa đựng tất cả nên gọi là Đại, tức là thể đại linh chiếu không mờ, lìa các vọng tưởng nên gọi là Phật. Phật có hai nghĩa:

Là nghĩa tự tánh hiển chiếu tức là tướng Đại.

Là nghĩa tùy duyên hiện lợi ích tức là Dụng đại. Cái Đại này bằng với Phật, là pháp chí tôn chí cực, vô thượng không gì hơn. Chư Phật tôn làm thầy, nên gọi là Đảnh.

Ba nghĩa Đại này không lìa nhất tâm nên gọi là Nhất tâm, là Đại Phật đảnh.

Câu Như Lai v.v... là nói riêng về công năng cao quý, tám chữ đầu y theo quả, người tự hành trì tu chứng thuyết giáo lợi tha để hiển bày riêng, tức là Như Lai mười phương nương vào pháp môn này tu nhân chứng quả, nói lên giảng nói rớt ráo lợi tha.

Tám chữ Chư Bồ-tát v.v... là y theo nhân, người tu tập đầy đủ tự lợi, lợi tha để hiển bày riêng. Hạnh môn của Bồ-tát là tự lợi, lợi tha

rộng lớn vô lượng. Vì định chân thật đều đầy đủ nên ngài Văn-thù khen rằng:

Đây là một con đường đi đến Niết-bàn của vô số Chư Phật.

Kể giải thích rộng:

Đại là ngay nơi thể mà được tên, nghĩa là thường biến.

Đương thể nghĩa là không đồng với Tông Pháp Tướng, phân biệt với Tiểu gọi là Đại. Ngoài Đại có Tiểu để phân biệt, vẫn là giới hạn, đâu chẳng phải chí đại hay sao?

Nay lấy thể tánh của Tạng thể vô bờ bến, bật các phần lượng, gượng gọi là Đại. Thường biến: Thường thì dọc hết ba đời, biến thì ngang khắp mười phương.

Đọc: Là quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung, không có một pháp nào trước nó, chỉ có trước các pháp này nên gọi là Đại.

Kinh Niết-bàn lại nói: **Đều gọi là Đại, gọi là thường biến, là mười phương cùng tột không có bờ mé.**

Kinh Niết-bàn lại nói: **Nói là Đại tức là tánh ấy rộng lớn, kinh nay nói thường biến rộng có vẫn ấy vẫn đủ ba nghĩa, như ở dưới rất dễ thấy.**

Phật Đảnh: Là giáo rốt ráo, giáo có hai nghĩa.

1. Bốn
2. Thỉ.

Bốn là thể Tạng, sáng suốt không mờ tối, dứt bật các vọng tưởng vì đầy đủ vô lượng tánh chất công đức.

Luận Khởi Tín nói: Nói nghĩa giác là tâm thể lìa niệm, lìa tướng niệm, đồng với các thế giới hư không, trùm khắp tướng của nhất pháp giới, là pháp thân bình đẳng của Như Lai. Nương vào pháp thân này mà gọi là Bốn giác, nghĩa Thỉ giác là: Vì y theo Bốn giác mà có bất giác, y theo bất giác mà có Thỉ giác. Thỉ giác là dụng, Bốn giác là thể. Khi dụng hợp với thể, Bốn giác và Thỉ giác không hai, nên gọi là giác rốt ráo.

Giác rốt ráo: Tức là trước khi tánh của Tánh hiển hiện vô thượng tối cực gọi đó là Đảnh. Đây là y theo quả vị để hiển bày pháp thể nên gọi là Phật Đảnh.

Nếu y theo hiện sự tức là nay Phật Đảnh phát ra ánh sáng hóa Phật nói về giác hạnh. Bởi vậy, giác hạnh đều gọi là Phật Đảnh.

Như Lai: Như là bốn giác, Lai là thỉ giác, Thỉ giác và bốn giác hợp chung gọi là Như Lai.

Đây chỉ là một Phật mà đủ các Phật.

Dưới nói giáo hạnh vì điều y theo Chư Phật để nói lên sự đồng nhau. Nhân mật, có hai:

1. Giáo.
2. Hạnh.

Giáo: Dưới nói tâm chú, là mật ngữ của Phật, chỉ có Phật và Phật mới biết được, người khác không thể hiểu. Chỉ tin mà thọ, suy nghĩ mà trì, dứt chướng thành đức.

Hạnh: Định Chân thật này có đủ cả không, gia, tức là nhất tâm, chẳng phải đọc ngang đều riêng, không thể suy nghĩ bàn, luận đầy đủ muôn hạnh, Chư Phật ba đời đồng một pháp môn này. Khi hạnh này thành tựu gọi là ba bí tạng nên gọi là Mật. Tu là nhân của hạnh, chứng là quả, hai loại Địa tiên, Địa thượng duyên chân đều gọi là Tu. Diệu giác ở giai vị Sơ địa phần tròn đầy đủ hai quả, đồng gọi là Chứng, sở tu sở chứng đều là Đại Phật Đảnh, đây là tự hạnh, như Quán Âm viên thông.

Liễu nghĩa: Thuyết giáo hóa độ người, giải thích nghĩa lý không có sự che lấp, cùng lý tận tánh gọi là thật đàm, cho nên văn dưới nói: Tánh nghĩa chân thặng trong nghĩa làm cho Thịnh Văn định tánh trong hội của ông đều được Nhất thừa vắng lặng tràng địa, chẳng có thuyết khác, nên nói là Liễu nghĩa

Muôn hạnh của các Bồ-tát: Nghĩa là người tu nhân trong ba đời đều tu hạnh này, tự lợi lợi tha, có vô lượng nghĩa, nay nêu số lớn nên gọi là muôn.

Tam-muội này có nhiều nghĩa như thế cho nên văn dưới nói: Có Tam-ma-đề tên là Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Vương đầy đủ muôn hạnh.

Thủ-lăng-nghiêm là tiếng Phạm.

Kinh Niết-bàn nói: ***Thủ-lăng là Nhất Thiết sự cánh, Nghiêm là Kiên.***

Tức là tất cả việc rốt ráo bền chắc. Được Tam-muội này quán pháp như huyễn, đối với pháp tự tại, có khả năng phá tan vô minh sâu kín sau cùng, có thể được hai nghĩa cao siêu, hiện thân nói pháp, vô ngại tự tại, cho nên trong kinh ở dưới gọi là Như huyễn Kim Cương Vương Phật mẫu diệu liên hoa. Tam-muội này dùng trí vô phân biệt tịch dụng làm thể, vì tất cả pháp đều đồng trí tánh, cùng tận pháp giới, lại không dư sót nên gọi là tất cả việc rốt ráo. Tất cả việc là nói không là nhiệm tịnh, khi trí này hiện thì nhiệm tịnh đều dứt.

Pháp không lập, lại pháp nhiệm rốt ráo dứt, tịnh dùng rốt ráo

hiển? Như văn dưới nói: Ta vì bất diệt bất sinh hợp với Như Lai tạng mà Như Lai tạng là Diệu giác chiếu sáng giới. Bởi vậy một làm vô lượng. Lại nói: Bụi như ứng niệm tiêu mất, thành tròn sáng mẫu nhiệm. Đã quán như huyễn, không để bị hoại, có công năng dứt trừ vô minh nên gọi là Kiên cố.

Kinh: Là huấn pháp, huấn thường là quán, là nhiếp. Nghĩa là y theo lời nói này hiển rõ tánh tướng, giúp cho chúng sinh hiểu rõ, nên gọi là Pháp. Tất cả Chư Phật đều đồng thuyết này, nên gọi là thường, có khả năng làm cho nghĩa lý không tán mất cho nên gọi là Quán. Dùng hóa sinh này không điên đảo, không đọa, nên gọi là Nhiếp. Nếu nói theo thể của Như Lai tạng sở thuyên mà nói Kinh thì cũng có đủ bốn nghĩa. Nghĩa là tâm tánh này Chư Phật, bậc thầy đấng làm khuôn phép nên gọi là Pháp, không sinh không diệt không có thay đổi nên gọi là Thường, trên Thánh dưới phàm, tình và phi tình đều đồng ở đây, cho nên nói là Quán. Đây đủ các đức, dung chứa đủ nhiệm tịnh nên gọi là Nhiếp. Tâm tánh đã vậy, thì tất cả pháp cũng như vậy, cho nên văn dưới nói: Năm ấm, sáu nhập, sinh diệt, đến đi, vốn là Như Lai tạng cho nên tất cả pháp mặc cho xoay vần đều có bốn nghĩa, đều gọi là Kinh. Một gọi là Kinh của đại đạo tràng Na-lan-đà ở Trung Ấn Độ, nơi bộ Quán Đảnh ghi ra hạnh riêng, đó gọi là riêng.

Ấn-độ nguyệt danh: gọi đủ là Ấn-đặc-già, Hán dịch là Nguyệt Bang, dùng nước lớn này để hình dung các nước nhỏ như vầng trăng giữa các vì sao.

Kia có năm ấn, đây đúng là Trung Ấn, đều là tên của một khu vực, trong khu vực này có nhiều nước riêng, nước lớn nhất là Ma-Kiệt-Đà, Hán dịch là Đại thể. Vì nhiếp chung, hoặc nói bất hại, đều là nghĩa dịch ra.

Na-lan-đà, Hán dịch là Thí Vô Yếm, là tên rừng. Tây Vực Ký nói: Nước Am-một-la có một cái ao, trong ao có con rồng tên là Thí Vô Yếm, chùa gần ao ấy nên dùng tên rồng đặt tên chùa.

Đại đạo tràng: Là nơi thể tâm tu đạo của sa-môn. Sau khi Phật diệt độ, sáu vì vua hưng tập nơi vùng xa xôi, rừng cây khắp hợp, đều xây một cửa, chủ khách muôn tầng, trụ trì Tăng trưởng, Ấn-độ gọi là chùa, chẳng phải trước tiên ở đây, nên gọi là Đại (tám trăm hai mươi bảy)

Bộ quán đảnh. Gồm có năm bộ, một bộ này Tỳ-lô làm chủ, đã nêu chỗ bộ, tìm kiếm so sánh để nương, không cho là phiên dịch gần đây, nghi không phải là chánh thuyết.

Ngày hai mươi ba năm Tân Sửu Ất mao, tháng năm, năm Ất ty long tập đầu niên hiệu Thần long đời Đại Đường, niên hiệu Thần Long năm thứ ba năm Tân Sửu thì trời bãi chánh, Trung Tông kế vị, năm ấy đổi thành niên hiệu Thần Long năm đầu.

Long Tập: gọi là long tinh, tuế tinh, tuế hạnh, là lần thứ nhất ất ty tức là kế chỗ ở, Sóc Là Tô. Tháng chết lại sống, tức là sống lại. Sa-Môn Bát Thích-Mật-Đế người Trung Thiên-trúc dịch tại đạo tràng Chế Chỉ ở Quảng Châu.

Thiên-trúc cũng nói là Càn-trúc, Càn-đậu, Thân-độc, Ấn-độ.

Sa-môn: Hán dịch là Càn Tức, là sinh thiện diệt ác; Bát-Thích-Mật-Đế, Hán dịch là đảo bử ngạn, người dịch có tài trí, thông hiểu tiếng bốn phương, gọi là cái học sâu xa. Bốn phương đều có tên, nay lấy ngôn ngữ phương Bắc,

Đệ tử thọ giới Bồ-tát trước Chánh Nghi Đại Phu đồng là Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, Phòng Dung ghi nói ở Thanh Hà.

Tuy làm Tể quan mà thọ giới Đại thừa

Kinh nói: *Khi muốn thọ nhận địa vị quốc vương, cho đến khi trăm quan nhận địa vị, thì trước phải thọ giới Bồ-tát, tất cả quý thân cứu hộ thân vua, thân trăm quan. Nhờ vào sự trưởng, dùng đạo cha anh tôn thờ, nên nói là Đệ tử.*

Chánh Nghi: Nay bàn luận, cử người hiền hiểu biết và người có tài năng.

Đại phu: Người tiến bộ nên nói là Đại phu.

Trung Thư, Môn hạ: Là tên hai tỉnh.

Bình Chương: Là nói về việc chánh trị của nước nên gọi là bình Chương Sự.

Ghi nói: Nghĩa là thể văn của cõi này dùng bút viết tiếng Phạm thu thập tinh ba giúp cho thuận ý chúng sanh nhưng không mất chánh lý.

Sa-môn Di-gia-thích-ca nước Ô-trường dịch ra tiếng Hán, tên nước thì chưa rõ Di-già Thích-ca: Hán dịch là Năng hàng phục, dịch tiếng Phạm thành Hán nên nói là dịch ra tiếng Hán.

Trong đó, chứng nghĩa phải có ghi riêng. Ngoài ra, như về thuyết năm phiên dịch có nói. Dưới đây là thứ mười, giải thích riêng văn nghĩa, y theo thường chia làm ba phần: là phần tựa phần chánh tụng và phần lưu thông. Trong phần tựa có hai: chứng tín và phát khởi, lập chứng tín do A-nan hỏi, Phật gác qua một bên, ý là dứt nghi, dứt tranh luận và tà khác nhưng ở đây tuy có sáu thứ thành tựu, nay đều lược đủ, chia chung

thành hai.

1. Thời gian, nơi chốn nói kinh.
2. Dẫn chứng đồng nghe, đây là phần một.

Như vậy: Nếu gồm cả tôi nghe hợp với giải thích, tức là từ chỉ cho Pháp, Pháp ấy tôi nghe từ Đức Phật. Luận Phật Địa nói: Khi kiết tập, đại chúng cùng thỉnh rằng: Như điều ông nghe phải nói như vậy: Bồ-tát truyền pháp cho phép được nói: Phải nói là như điều tôi nghe, là lia giải thích.

Như vậy: là Tín thành tựu.

Luận Trí Độ nói: Biển lớn Phật pháp tin thì vào được, trí là tài năng.

Người tin thì nói việc này là đúng, còn người không tin thì nói rằng việc này không đúng.

Ngài Tăng Triệu cũng nói lời Tin thuận, tin thì lý được nói là thuận, thuận thì đạo thấy trở thành tựu. Cho nên trong muôn hạnh lấy Tín làm đầu. Cho nên nói như vậy.

Lại khế lý, khế cơ gọi là Như, lia hẳn sai trái gọi là Vây. Như lý mà nói, như lý mà tin, cho nên nói là như vậy. Nếu theo kinh nay thì: Như Lai tạng tâm, thể tánh bất động gọi là Như. Nghĩa chân thật gọi là Vây. Lại tất cả các pháp vốn vô sinh diệt, đều là Như Lai tạng, cho nên gọi là Như, lia tất cả tướng tức tất cả pháp, nên gọi là Vây. Lại có nghĩa khác rườm rà nên không nói.

Tôi nghe: Là nghe thành tựu. Tôi chính là A-nan tự chỉ cho năm uẩn giả nhưng tất cả pháp Phật nói vô ngã, ở đây xưng là ngã (tôi). Ngã có bốn thứ:

1. Chấp khấp của phàm phu
2. Chấp của Tông ngoại đạo
3. Các bậc Thánh tùy thế gian giả lập khách chủ
4. Pháp thân chân ngã.

Ý chỉ kinh sau đây có hai:

Chẳng phải tâm tà mạn mà có nói, cho nên không lỗi, nghe là nhĩ căn phát thức nghe nhận. Tuy do tai mà bỏ riêng theo chung, nên nói là tôi nghe không có tướng tông để nói, ta đã vô ngã, nghe cũng không nghe, vì từ duyên sinh cho nên không hoại giả danh, tức là không nghe mà nghe. Nếu theo pháp tánh thì chỉ thú của kinh này, Bồ-tát truyền pháp vì chân ngã “ngã và vô ngã” không hai, vì sự nhiệm mầu. Căn cảnh chẳng phải một chẳng phải khác, nghe pháp môn chân tục vô ngại.

Một thời tức là thời thành tựu.

Thầy trò hợp hội, nói nghe rất ráo, nói chung là một thời: một là phân biệt với lúc khác.

Thời là tùy thế gian giả lập.

Như Lai nói kinh có vô lượng thời, không thể nêu riêng, một là lược khắp, nên chỉ nói một thời.

Kinh Niết-bàn nói: *Một thời, ở bên bờ sông Hằng. Lại ở các địa phương, thời phần chia không nhất định, cho nên nói một thời. Nếu nghĩa giải thích theo pháp thì nói lúc nghe, tâm hoại mất, lý trí dung, phàm Thánh như, bốn thì hội các thứ hai pháp này đều là một thời.*

Phật: Là chủ thành tựu.

Phật, nói đủ là Phật-đà. Hán dịch là Giác giả (bậc giác ngộ), nghĩa là người hiểu rõ tánh tướng chân vọng tức là giác rốt ráo.

Luận nói: Vì giác ngộ nguồn tâm nên gọi là giác rốt ráo, chưa giác ngộ nguồn tâm nên chẳng phải giác rốt ráo nhưng có đủ ba nghĩa:

1. Tự giác: Giác biết tâm mình vốn vô sinh diệt.
2. Giác tha: Giác biết tất cả pháp đều như vậy
3. Giác mãn: Lý của tự giác, giác tha tròn đầy gọi là Mãn.

Trong Luận Phật Địa nói có mười thứ: Nghĩa là có đủ Nhất thiết trí, Nhất-thiết-chủng-trí, dứt bật chướng phiền não và chướng sở tri, biết rõ tánh tướng tất cả pháp, có khả năng tự khai giác, cũng có khả năng khai giác cho tất cả hữu tình. Như ngủ say mà thức dậy, như hoa sen nở, nên gọi là Phật

Ở tịnh xá Kỳ-hoàn trong thành Thất-la-phiệt: Là xứ thành tựu, xứ có hai loại:

1. Chỗ hóa độ, tức là La-phiệt
2. Chỗ ở, tức là Kỳ-hoàn.

Thất-la-phiệt gọi đủ là Thất-la-phiệt-tất-để, Hán dịch là Phong Đức, hoặc dịch là Văn vật, hoặc dịch là Hảo đạo. Đây là tên thành, không phải tên nước. Vì trong thành này có nhiều tài vật, thích cảnh dục, nhiều người học rộng.

Phong là đạo giải thoát.

Đức là tên gọi, là năm vị trời cùng nghe, có người nói nghe là thành, ngày xưa có vị tiên già ở đây tu đạo, sau đó có vị tiên nhỏ theo hầu thọ học quyết gọi là Nghe. Vị tiên già sau khi chết, vị tiên nhỏ ở đây xây dựng thành mà ở, nên nêu tên là thành Kỳ-hoàn, nói đủ là Kỳ-đà hoặc nói là Thệ-đa, Chế-đa. Hán dịch là Chiến Thắng, là tên vị Thái tử, Chủ rừng là thái tử nên gọi là Thắng Lâm.

Hoàn: Nghĩa là lâm.

Tịnh Xá: Tức là chỗ ở của Sa-môn tu hành, là Tu-đạt mua vườn làm nhà, Thái tử xả cây làm cửa.

Hai người kết hợp để thỉnh Phật, Tăng, hai người dẫn chúng đồng nghe, chúng đồng nghe không phải chỉ có Ba thừa, mà còn đủ các đường, dưới đủ tám bộ trời rồng, vua quan Bồ-tát phát khởi trong phần Tựa. Nay vẫn chỉ có hai thứ: Vì người dịch khéo lược bỏ, Vẫn có hai:

- Thanh Văn.

- Duyên Giác.

1. Thanh Văn đâu có ba:

1) Nêu loại, nêu số, cùng chúng đại Tỳ-kheo là nêu loại:

Cùng: Đều đến.

(Tám trăm hai mươi tám) Phật, A-nan và Đại Tỳ-kheo chúng tỏ không phải sai lầm. Phạm là Ma-ha, ở đây có ba nghĩa, nghĩa là đại đa thắng. Khí lượng tôn trọng được vua trời, đại nhân cung kính nên nói là Đại.

Biết khắp kinh sách trong ngoài nên gọi là Đa, xuất xứ từ chín mươi lăm thứ ngoại đạo nên gọi là Thắng.

Tỳ-kheo gồm có ba nghĩa: Khất sĩ, Bố ma, Phá ác, nghĩa là người xuất gia trên câu pháp Chư Phật, dùng tư chất bên trong làm cho tuệ mạng thêm lớn, dưới đến nhà đàn việt lia tà, chánh mạng đi xin ăn, dùng tư chất bên ngoài làm cho sắc thân không tổn giảm, nên nói là Khất sĩ.

Lại người xuất gia, trước phát tâm xuất gia hoặc tâm Bồ-đề, hoặc chí thành với đạo, làm cho ma sợ mất quyền thuộc, nên gọi là Bố ma.

Lại dứt được bỏ bảy chi thân miệng, chín mươi tám kiết sử nghiệp phiền não, nên gọi là Phá ác.

Bốn vị trở lên cho đến vô lượng, có khả năng làm pháp yết-ma tứ tử nên gọi là Chúng.

Một nghìn hai trăm năm mươi vị là nêu số chúng khi Phật mới thành đạo, trước độ năm anh em Kiều-trần-như. Kế là độ ba anh em Ca-diếp và đồ chúng của họ, gồm một ngàn vị. Kế nữa, độ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên và đồ đệ của họ gồm một trăm vị, kế là độ Trưởng lão Da-Xá và năm mươi vị. Kinh nêu số tròn, cho nên giảm năm vị, chúng này trước đều tôn thờ ngoại đạo, siêng năng khổ nhọc nhiều kiếp, không hề chứng đắc được gì, mới thấy Phật bèn đắc quả cao thượng, cảm được ơn sâu dày của Phật nên thường theo Phật hóa độ, là chúng thường theo.

2) *Khen ngợi đức hạnh.*

Đều là bậc đại A-la-hán vô lậu là chỉ chung.

Lâu có ba thứ: Vì đều dứt hết, vì A-la-hán gồm ba nghĩa. A-la-hán dịch là Ứng. Vì Ứng đã giết chết giấc phiền não. Vì ứng nên không chịu sinh tử phân đoạn, vì ứng nên xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời người, ở đây đều là vô ngại, nên gọi là Đại. Trở xuống là khen ngợi riêng Phật tử trụ trì khéo thoát khỏi các cõi, từ miệng Phật sinh, từ pháp hóa sinh, đặc phần pháp của Phật, nối tiếp làm hưng thịnh hạt giống Phật, nên gọi là Phật tử. An trụ giác tánh ba đức bí mật sâu kín, khéo giữ công đức, muôn điều lành không mất, nên gọi là Trụ trì.

Các Hữu: là hai mươi lăm Hữu đều đặc hai mươi lăm thứ Tam-muội, không bị cõi ràng buộc, nên gọi là khéo vượt qua: Đây là khen ngợi tự lợi, trở xuống là khen ngợi lợi tha có thể ở nơi cõi nước thành tựu oai nghi, chẳng có cõi nào không hiện, cho nên nói có thể ở nơi cõi nước có oai đáng sợ, có nghi đáng kính, đi đứng ngồi nằm đều thành khuôn phép, xứng đáng làm tiêu chuẩn, cho nên nói thành tựu v.v...Tịnh Danh nói: Gọi là không khởi Diệt định, hiện các oai nghi. Oai nghi này đáng quán sát. Theo Phật xoay bánh xe phép, có khả năng nhận lãnh di chúc của Phật: là người trí, có khả năng nhận lãnh sự dặn dò, thường theo Phật xoay bánh xe Đại pháp, pháp là dứt bỏ nghiệp phiền não. Dụ như bánh xe. Tự đã phá bỏ hoặc chướng, cũng có thể chuyển dạy làm cho người phá hoặc, đối với một pháp mà nói vô lượng, mỗi pháp đều hợp cơ, mỗi pháp đều xứng tánh, dùng phương tiện khéo léo giúp cho được vào tri kiến của Như Lai, khéo léo kham nhậm, giữ gìn kho pháp, làm cho các ngọn đèn nối nhau, sáng mãi không dứt, dẫn dò truyền bá chánh pháp, khiến độ chúng sinh, gọi chung là di chúc.

Nghiêm tịnh Tỳ-ni: Khuôn phép rộng lớn cho ba cõi, giới đáng nương theo. Tỳ-ni là luật, là luật pháp, cắt đứt khinh trọng, khai, giá, trì, phạm, phi pháp, bất định.

Hoằng là rộng lớn.

Quý là khuôn khép.

Đã nghiêm trì giới cấm thanh tịnh, thân tâm không trái, xứng đáng làm khuôn phép cho thế gian, chính là giềng mối trong chánh pháp.

Ứng thân vô lượng, độ thoát chúng sinh, chắc chắn có khả năng hiện hóa. Trụ Thủ-lăng-nghiêm, hóa lại làm hóa, hiện sắc thân khắp, tùy theo cơ nghi của mười cõi, hiện thân tướng nào mà nói pháp. Vì giúp cho chúng sinh thoát khổ, giải thoát hoặc nghiệp, được tự tại. Kinh Pháp Hoa gọi là trong ẩn ngoài hiện, từ pháp thân địa tùy duyên ứng khắp,

như một mặt trăng không giáng xuống, như trăm dòng nước không bay lên, năng lực gốc lành từ bi như thế.

Nếu không phải sau khi phát tích, không có khen ngợi như thế thì giáo vị đề hồ hiện ra ở đây.

Cứu giúp vị lai, vượt các trần lụy, là kết tâm bi giáo hóa vô tận.

Bạt: là làm cho thoát khổ.

Tế: là làm cho được an vui

Sau khi Phật diệt độ cho nên nói là vị lai, phiền não và nghiệp nhiễm ô ràng buộc dụ cho trần lụy, đều làm cho thanh tịnh tự tại vô ngại, nên gọi là vượt.

3) *Nêu chúng thượng thừa:*

Ấy là Đại trí Xá-lợi-phất, gọi đủ là Xá-lợi-phất-đát-la, Hán dịch là Thu Tử. Mắt của mẹ Ngài trông đen trông trắng phân ra rõ ràng, chuyển động lanh lợi từ nơi bà mẹ mà sinh ra, nay từ bà mẹ mà có tên, cũng gọi là Thân tử, là đệ tử như cánh tay mặt của Phật, có trí tuệ hơn người, nên gọi là Đại trí. Kinh Tăng Nhất nói: Trong Phật pháp của ta, Xá-lợi-phất là người trí tuệ vô song, giải quyết các nghi ngờ bậc nhất.

Ma-ha Mục-kiền-liên: Nói đủ là Ma-ha Một-đặc-già-la, Hán dịch là Thái Thúc Thị. Còn gọi là Hồ Đậu, tức là Tôn giả lấy họ mẹ, là vị tiên già thời thượng cổ, do đó mà lấy làm họ, là đệ tử cánh tay trái của Đức Phật, thần thông không ai bằng. Ở dưới Kinh nói:

Ta đến khắp mười phương, không hề quá ngại, thần thông phát minh được suy tôn là Vô thượng.

Ma-ha Câu-hy-la: Hán dịch là Đại-tất, là cậu của Xá-lợi-Phất, đương thời ngài tranh luận hơn cả chị mình. Lúc bà mang thai Xá-lợi-Phất thì ông lại tranh luận không bằng chị, biết chị khi có thai có người trí tuệ gá vào miệng chị để biện luận, hưởng chi là khi ra khỏi thai.

Sau đó, ông bèn đến Nam Thiên học mười tám bộ kinh, người đời cười nói rằng: “Nhiều đời khó thông, một đời không thành tựu”. Ngài nghe nói vậy, liền lập thế học không bao giờ nghỉ, không rảnh để cắt móng tay, người đời gọi ông là Phạm Chí Trường Trảo. Ngài học xong rồi trở về nhà, biết cháu mình làm đệ tử Phật bèn sanh tâm kiêu mạn, đến chỗ Phật, Phật bảo lập luận, ngay nghĩa lý bèn bị thua, hổ thẹn cúi đầu, được mắt pháp thanh tịnh, thành A-la-hán, được bốn biện tài, gặp sự khó khăn đều đáp được Thiên Vương Phương Nam thường theo hầu Ngài. Phú-lâu-na Di-Đa-la-ni tử: Phú-lâu-na là tên, Hán dịch là Mãn. Cha là Mãn Giang, cầu trời mà sinh được Ngài, chính gặp con sông đầy, lại nguyện được mãn, mẹ nằm mộng thấy bình đầy báu vào trong bụng

bà liền mang thai, do các ý nghĩa ấy mà được tên gọi như vậy.

Di-da-La-ni là tên mẹ, Hán dịch là Từ, cũng dịch là tri thức, mẹ Ngài có hạnh từ, vẫn tụng phẩm Vi-đà Tri Thức, là ni nữ thanh. Khi sinh ra, cha mẹ gọi là Mãn Từ Tử. Ngài là người nói pháp bậc nhất trong các đệ tử của Như lai. Kinh ở dưới nói: Ta nhiều kiếp đến nay biện tài vô ngại, giảng nói khổ không, đạt sâu tướng thật, pháp môn bí mật của Hằng hà sa Như Lai, ta ở trong chúng khai thị mẫu nhiệm, không hề sợ hãi.

Tu-Bồ-đề: Hán dịch là Không Sinh, hoặc dịch là Thiện Kiết, Thiện Hiện. Khi sinh Ngài, kho tàng, bình sành ở trong nhà bỗng nhiên đều biến mất. Người xem tướng nói: Đặt tên cho đứa bé này là Thiện Kiết, vì tướng thiện kiết này hiện nơi bình khí từ đó mà đặt tên cho Ngài như vậy. Ngài là người giải không bậc nhất, nhập định Vô Tránh, thích nói pháp Không, về hạnh tu hành lấy “Không” làm gốc.

Như kinh ở dưới nói: Ta nhiều kiếp đến nay tâm được vô ngại, khi ở trong thai mẹ đã biết được sự vắng lặng, như vậy cho đến mười phương đều thành không, cũng làm cho chúng sinh chứng được tánh không, tánh không tràn đầy, đắc quả A-la-hán.

Ưu-ba Ni-sa-đà v.v... là Thượng Thủ. Hán dịch là Cận Thiếu, dịch nghĩa là (tám trăm hai mươi chín) Trần Tánh. Vì quán cát bụi là không mà đắc đạo. Cát bụi là phần rất gần của sắc, gần với hư không, là bờ mé của sắc, nên gọi Trần Tánh là Cận Thiếu.

Như ở dưới kinh nói: Ta ngộ tánh sắc từ xương trắng bất tịnh, cát bụi trở về hư không, không và sắc cả hai đều không, thành đạo Vô học. Như Lai ấn khả cho ta tên là Ni-sa-đà. Lại có vị khác, kinh không nói đủ nên nói là vân vân. Tức là ba anh em Ca-diếp đều là Thượng thủ, là bậc tri thức trong chúng, làm giềng mối trong Phật pháp, mỗi vị đều có đệ tử nên gọi là Thượng thủ.

2. Chúng Duyên Giác:

Lại có vô lượng vị Bích-chi Vô học, đều là sở tâm, đồng đến chỗ Phật.

Bích-chi nói đủ là Bích-chi-già-la, Hán dịch là Duyên Giác, vì quán mười hai nhân duyên mà giác ngộ. Đây là bộ hành, khác với ví dụ đồng với hư không, ngợi khen các bậc nêu tên là có đức. Vì nhằm chán ồn ào thích yên tĩnh, không phải là tri thức của chúng, chủ bạn đều nhóm họp cho nên nói đồng với sơ tâm. Gặp Phật hồi hướng sẽ chứng đại quả, cho nên kinh ở dưới nói:

Người Hữu học Nhị thừa và các Bồ-tát mới phát tâm đều được bốn

tâm, xa lìa bụi nhơ, được mắt pháp thanh tịnh. Tựa chung đã rồi, hai lời tựa đều khác, các kinh không đồng, phát khởi đều khác, hoặc phát ra ánh sáng mỉm cười, khát thực nhập thiền, tự nói giai vị, khuyên người thừa hỏi v.v...

Kinh này, do mãn hạ chúng tăng nhóm họp, vua quan thiết lễ cúng dường. Ngoại trừ Khánh Hỷ không dự cúng dường, do đi khát thực nên gặp dâm nữ mê hoặc bằng tà thuật. Tự mình không có định, không thể hàng phục được. Do vậy bên ngoài giả bí mật nhiếp hộ làm cho trở về, ý nói lên sinh tử luân hồi, không gì qua dâm ái, chứng lên Thánh vị, đâu gì hơn định tuệ?

Bên trong định tuệ có đủ, bên ngoài bí mật có thừa, bụi bay thuận gió có gì gian hiểm.

Văn có bốn:

1. Kiết chế hạ an cư viên thành, chúng cầu mật nghĩa.

Dặn dò các Tỳ-kheo cuối hạ tự tứ.

Dặn dò: Là gặp gỡ nhau.

Đức Phật cấm chế đủ ba tháng, hôm nay là ngày cuối nên gọi là xong hạ.

Tự mê nên phạm, khi tự tứ bị Tăng nên tội phải sám hối cho thanh tịnh nên gọi là Tự tứ. Pháp chế tự tứ như luật có nói.

Các Bồ-tát ở mười phương thừa hỏi giải quyết tâm nghi, khâm phục vâng theo những lời nghiêm khắc đầy lòng từ, sẽ cầu mật nghĩa.

Bồ-tát gọi đủ là Bồ-đề Tát-đỏa. Hán dịch là Giác hữu tình. Ở đây có ba giải thích:

Bồ-đề là quả sở cầu, Tát-đỏa là độ sinh.

Bồ-đề là quả sở cầu, Tát-đỏa là người năng cầu.

Bồ-đề là trí giác ngộ, Tát-đỏa là tình lự thức

Y cứ chung vào bi trí, năng sở, chân vọng để đặt tên.

Điều này an cư chẳng phải chỉ một chỗ, nên gọi là mười phương. Hạn chế bên trong tu hành thông đạt bất tận, theo thầy được thầy dạy trao, mãn hạ mới toại ý. Cho nên nói quyết hỏi tâm nghi ngờ.

Cung kính vâng theo gọi là kính vâng.

Ân niệm oai trọng nên gọi là nghiêm khắc, lòng từ sẽ cầu mật nghĩa. Ý thỉnh giảng nói mật nghĩa của Như Lai là nhân tu chứng pháp môn liễu nghĩa.

2. Thầy trò cảm ứng, giảng nói thừa chân thật:

Tức thời Như Lai trải tòa và ngôi, không phải thiền, chẳng phải tuệ cho nên trước nhập định, sau làm khuôn phép, liền trải ni-sư-đàn

an tọa tĩnh lặng như kinh Kim Cương và Pháp Hoa nói trước nhập định, sau đó mới giảng nói. Cách thông thường như vậy. vì trong các hội chỉ bày chỗ sâu kín, trước cầu mật, nay giảng nói chỗ sâu kín, tùy theo lời hỏi, mà chỉ bày cho, như Kinh Pháp Hoa trước nói Kinh Vô Lượng Nghĩa, cho là gốc của Nhất thừa. Nay trong hội này cũng như thế, chắc chắn là có mục đích của kinh ẩn mà không nói. Chúng thanh tịnh được điều chưa hề có, Giáo chủ chẳng phải tâm hành sinh diệt, nói pháp thật tướng, nhưng chúng có khả năng nghe điều đó, đại chúng cũng không có một pháp để lãnh thọ, xứng thật nói nghe không có nhiệm nhỏ, cho nên nói là chúng thanh tịnh. Đây là pháp hội rất ráo vô thượng, cho nên nói chưa hề có.

Tiếng tiên Ca-lăng trùm khắp các cõi mười phương, âm thanh Phật mềm mỏng, chúng rất ưa thích, nghe mãi mà không thoả mãn. Như chim Ca-lăng-tân-già còn ở trong trứng mà tiếng hót đã hay hơn các loài chim khác, cho nên đứng dụ cho âm thanh của Phật. Loài chim này phi thường nên gọi là Tiên.

Trùm khắp các cõi mười phương: Nói lên ý nghĩa tròn đầy. Như Lai là âm Phạm, là cao quý nhất trong các tướng rất như chỗ khác có nói.

Hằng sa Bồ-tát nhóm đến đạo tràng, Văn-thù-sư-lợi là bậc Thượng thủ.

Nói đúng là Mạn-thù-thất-lợi, Hán dịch là Diệu Cát Tường, hoặc Diệu Đức, Văn dưới dùng thần chú chọn viên thông và hiểu tâm chúng, vô tư không hàng phục, bậc tôn trí đức, cho nên nêu là Thượng thủ.

Văn trước nói Bồ-tát ở mười phương thưa hỏi giải quyết tâm nghi, nay ở đây lại nói hằng sa đến nhóm hội, hoặc nhân kết Thượng thủ mà chỉ lại văn trước, hoặc do trước là nói pháp âm thanh cùng khắp mười phương, sau mới nhóm hội. Hai nghĩa ấy đều không có.

3. Vua quan thỉnh cúng, chủ bạn đều đến.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến ngày húy nhật vua cha bèn thiết trai cúng dường, thỉnh Phật vào cung, đích thân đón rước Như Lai, dọn bày thức ăn ngon quý và đích thân thỉnh các đại Bồ-tát.

Gọi đủ là Bát-la-tư-na-thị đa: Hán dịch là Thắng Quân, sáng ngày húy kỵ vua cha bèn gọi là húy nhật, là một ngày sau ngày tự tử là húy kỵ, vì kỵ là nêu việc tốt, húy là tránh gọi tên. Cung dịch tức là nội đình, là chỗ hậu phi ở, ở hai bên thiên tử như khuỷu tay. Cung cấm của vua cấm người ở.

Trong thành lại có Trưởng giả, cư sĩ đồng thời cúng dường tăng,

đang đợi Phật đến, Phật bảo Văn-thù phái các Bồ-tát và A-la-hán đến ứng trai ở nhà các trai chủ. Mười đức đầy đủ, ba phẩm cư tài, gọi là Trưởng giả, cư sĩ. Lại giữ đạo tự vui, ít dục ản đức nên gọi là Cư sĩ. Phật là hóa chủ, vua thỉnh phải đến, quan là phụ tá, bậc Thánh khác có thể đến.

4. *Khánh Hỷ không thọ trai, vào thành khát thực, có hai lý do:*

a) Trở về Kỳ Viên không thọ thỉnh:

Chỉ có A-nan trước thọ thỉnh riêng, đi xa chưa về không được xếp vào thứ lớp chúng tăng

A-nan, Hán dịch là Khánh Hỷ. Khi Phật mới xuất gia, vua Tịnh Phạn lo buồn, nghe con thành đạo, vua rất vui mừng. Lại có Học Phạn tâu rằng sinh bé trai cả nước rất vui (hỷ) do đó đặt tên là Khánh Hỷ. Lại A-nan khôi ngô, nói nín đi đứng nằm ngồi, cử chỉ hành động mọi người thấy đều ưa thích nên nói là Hoan Hỷ.

Trước thọ thỉnh riêng: Kinh Niết-bàn nói không thọ thỉnh riêng là không theo Phật mà thọ thỉnh riêng, hoặc do việc người mà không phải trai.

Hoàng là rảnh rang.

Đã không có Thượng tọa và a-xà-lê, giữa đường trở về một mình. Ngày ấy không được cúng, đồng bậc thượng hạ, gọi là Thượng tọa.

A-xà-lê: Hán dịch là Quĩ phạm, nghĩa là làm khuôn phép trong chúng.

b) Vào thành khát thực theo thứ lớp:

Khất thực bình đẳng có hai:

- *Chánh hạnh bình đẳng theo thứ lớp khất thực:*

Tức thời A-nan ôm bình bát vào thành thứ lớp khất thực. Ngày đó mới phân khất thực để được, nên nói là tức thời.

Bát-Đa-la Hán dịch là ứng lượng khí, sắc và thể lượng đều đúng pháp, bất luận tịnh uế nên nói là thứ lớp thuận theo khuôn phép, cho nên nói theo thứ lớp khất thực.

Khất thực có mười điều lợi, như kinh Bảo Vũ nói: (tám trăm ba mươi) Trong tâm mới cầu đàn việt cuối cùng để làm trai chủ, bất luận hỏi tịnh uế. Là dòng họ tôn quý Sát-đế-lợi và dòng thấp hèn chiên-đà-la. Phương pháp thực hành bình đẳng từ bi không phân biệt giàu nghèo, phát ý viên thành, tất cả chúng sinh công đức vô lượng.

Đàn Việt, Hán dịch là Thí giả.

A-nan khất thực: Ý là mong người cuối cùng thỉnh tăng, ta sẽ đến đó, nên gọi là Trai chủ.

Tịnh uế: Tức là sát lợi và chiêm-đà-la.

Sát-đế-lợi: Hán dịch là Điền chủ, tức là dòng dõi vua, nên nói là dòng họ tôn quý.

Chiêm-đà-la: Hán dịch là sát giả, tức là nhà giết mổ rượu thịt.

Phương: là pháp. Khuôn phép của Như Lai thực hành lòng từ bình đẳng không phân biệt giàu nghèo, khiến cho người bố thí, người được bố thí đều được phước vô lượng.

- *Kính phục mà theo không ngăn ngại để dứt trừ chê bai:*

A-nan đã biết Như lai, Thế tôn quở trách Tu-Bồ-đề và Đại Ca-diếp là A-la-hán mà tâm không bình đẳng, khâm phục Như Lai khai mở không ngăn, vượt qua các nghi ngờ và chê bai.

Ca-diếp gọi đủ là Ca-diếp-ba, Hán dịch là Âm Quang, thời thượng cổ nguyên tổ là Tiên, thân có ánh sáng, sáng hơn ánh đèn, người thấy ai cũng cho là lạ. Nói tiên Âm Quang do đó mà đặt lên dòng họ, Tôn giả hành đầu-đà-đệ nhất nên gọi là "Đại".

Không bình đẳng: Ngài Thiện Hiện chê nhà nghèo, đến xin nhà giàu. Ca-diếp thì xin nhà nghèo, không khát thực nhà giàu, đều bị ngài Tịnh Danh quở trách. Nay nói là Như Lai, liền ấn khả, công đức quy về Phật nhưng Phật khát thực không phân biệt, vì có năm nghĩa.

a) Vì trong chứng lý bình đẳng, ngoài không thấy tướng giàu nghèo.

b) Tâm lia tham, mạn lòng Từ không nghiêng làm lợi ích cho người giàu hay kẻ nghèo.

c) Biểu hiện oai đức không sợ voi dữ, nhà dâm nữ, quán rượu v.v...

d) Dứt sự chê bai của phàm phu.

e) Pháp sự phân biệt của người hai thừa, Cho nên được kính ngưỡng, thực hành bình đẳng.

1. *Vượt ngoài chê bai:* Tức là dứt sự chê bai của phàm phu. Trãi qua thành hoàng kia, từ từ bước vào cửa quách. Sửa sang oai nghi, cung kính trai pháp.

Rãnh nước bao quanh thành gọi là Hoàng, trang nghiêm ngay ngắn, không mất oai nghi, an tĩnh cung kính, đủ thành khuôn phép. Vì khi khát thực như vậy vật gì cũng lấy, đầy đủ tôn nghi, nên gọi là Trai pháp.

2. *Chỉ dạy gặp duyên ác:*

Bấy giờ, A-nan do khát thực nên lần lượt đến nhà dâm nữ, gặp nữ đại huyễn thuật Ma-đăng-già, cô ta dùng thần chú Sa-Tỳ-Ca-la-tiên

Phạm Thiên, dẫn vào phòng dâm, vuốt ve mơn trớn, sắp phá hoại giới thể.

Bấy giờ tức là lúc ấy.

Ma-đăng-già dịch nghĩa là Bốn tánh.

Ở dưới Kinh kinh nói: Là tánh Tỳ-kheo-ni.

Sa-Tỳ-Ca-la cũng âm là kiếp-Tỳ-la, Hán dịch là Kim Đầu, hoặc dịch là Hoàng Phát, ăn gạo giống như ngoại đạo, thờ Phạm Thiên làm thầy mà được thần chú này, Thần chú là do tiên Phạm Thiên nói: Ngoại đạo thi hành, thế gian học theo để làm huyền thuật.

Sắp phá hoại giới thể: Giới Biệt giải thoát, do bạch bốn lần yết-ma mà phát, hình nguyện nghiệp thể, thể là vô tác, từ giới mà sinh, là nhóm thứ ba phi sắc phi tâm là sở y của giới. Trì giới thì mập, phạm giới thì ốm, nên gọi là giới thể.

A-nan vô tâm, bị bức ép vào nhà, sắp phạm mà chưa phạm, nên nói là sắp hoại.

Nếu theo dưới đây nói: Trong tám muôn hạnh chỉ phá một giới, vì tâm thanh tịnh nên chưa bị chìm.

Nên biết A-nan không hủy Cát-la, duyên khởi như chỗ khác.

3. *Phật dĩ lòng thương xót cứu giúp có ba:*

a) Thọ trai xong về Kỳ Viên.

Như Lai biết dâm thuật kia, nên thọ trai xong liền trở về. Vua và Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ đều đi theo Phật, vì muốn nghe pháp yếu.

Như Lai biết: Biết tức là thấy, Nghĩa là dùng mắt trời thấy sinh tử, trí minh không hai. Theo pháp bình thường của Như Lai thì thọ thỉnh trai rồi, thì Ngài nói pháp cho gia chủ nghe. Hôm nay, vội vàng trở về, thì biết chắc Phật có lý do. Cho nên theo Phật về, vì muốn nghe pháp yếu.

Nhưng đại chúng căn cơ thuần thực, diệu ngộ là lúc này.

Không có nhân duyên thì không nhờ đâu phát khởi, cho nên lấy việc Khánh Hỷ bị dâm bức hại Ma-đăng-già bị tình ái trói buộc khiến cho biết sinh tử luân hồi, tham dục là gốc, tu chứng thường lạc, thiên tuệ là nền tảng, cho nên trong văn ở dưới nói tám bộ trời rồng, hữu học Nhị thừa và tất cả Bồ-tát mới phát tâm, số ấy có mười Hằng hà sa, nghe pháp này rồi đều được bốn tâm. Xa lìa bụi nhơ, được mắt pháp thanh tịnh. Tánh Tỳ-kheo-ni thành quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh phát tâm đạo vô thượng.

Cho nên biết cơ ứng hợp nhau, mỗi đáp đồng thời, hình đối bóng hiện, nên không sai lầm.

b) Phát ra ánh sáng nói thần chú:

Bấy giờ, trên đỉnh đầu Thế tôn phát ra ánh sáng vô úy trăm báu, trong tia sáng ấy hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có Phật hóa thân ngồi kiết già nói thần chú.

Trở về Kỳ Viên rồi: chủ bạn đều đến.

Ngay lúc ấy: gọi là bấy giờ.

Phật đánh: Là thế.

Vì vắng lặng nên vô tướng, ánh sáng là tướng, vì có đủ tánh đức. Hoa sen là dụng, vì thành muôn hạnh, hóa Phật là quả. Vì lý trí hạnh đều thành tựu, nói ra thần chú: Vì quả của mình đã tròn đầy nên nói là lợi tha.

Lại Thích-ca hiển bày biến quả không nói, đánh ánh sáng hiện hoa sen, biểu thị cho ba pháp: Đại định, đại trí, đại bi huân tập mà khởi đại dụng, cho nên hiện hóa Phật nói thần chú.

c) Sai Văn-thù đem thần chú đến cứu.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi đem thần chú đến cứu hộ, chú ác tiêu diệt, dẫn A-nan và Ma-đăng-già trở về chỗ Phật.

Đề: Là đất. Tưởng:

Là khuyên.

Văn-thù hiển truyền ý chỉ của Phật, thăm che chở A-nan, trước làm cho Ma-đăng-già thấy Phật, lia dục nghe pháp tiến đạo, ý là hiển bày năng lực của chú không thể suy nghĩ bàn luận. Như văn ở dưới nói: Còn dâm nữ kia, vô tâm tu hành, nương vào thần lực mau chứng Vô học, huống chi ông ở trong hội Thịnh Văn cầu thừa Tối thượng, chắc chắn thành Phật?

Phần tựa đã xong, kế là phần Chánh tông, do A-nan chánh tỉnh, Như Lai chánh thuyết giải hạnh tròn đầy, không nghiêng lệch không tà vạy, đương cơ được lợi ích.

Văn có ba:

1. *A-nan buồn rầu, hối hận, xin Phật được tu Tam-muội*: A-nan thấy Phật, buồn khóc đánh lễ, hối hận vì từ vô thủy đến nay chỉ lo học rộng nên chưa có đạo lực, học rộng tu định, chỉ quán song tu. Nếu chỉ nghiêng về công thì đâu có đủ đạo lực. Cho nên kinh Niết-bàn nói: Trước dùng định lay động, sau dùng tuệ khơi dậy. Định như trời giặc, tuệ như giết giặc, định tuệ liền nhau, chân tay nhờ cậy, đến ao mát mẻ, bảo đảm không hề có hoạn nạn. Phật và A-nan vào thời Phật Không Vương cùng phát đại tâm, A-nan thích học rộng, còn Phật siêng năng tu tập, nay Phật thành đạo, còn A-nan mới Nhập Lưu, nên chợp gặp duyên

ác không thể thoát khỏi, là do sai lệch, thật đáng thương xót. Cho nên văn ở dưới nói: Ông nghe tất cả môn bí mật của vô số Phật, dục lậu không gột trừ thì nghe nhiều thành sai lầm.

Hết lòng thưa thỉnh, các Như Lai ở mười phương được thành phương tiện đầu tiên Xa-ma-tha, Tam-ma, thiên na của Bồ đề mẫu nhiệm.

Như Lai: Là người chứng tột cùng.

Người và pháp đều nêu, chọn lựa thỉnh thực hành chẳng phải kém.

Xa-ma-tha: Hán dịch là Chỉ, Tam-ma-đề: Hán dịch là Quán.

Thiên-na Hán dịch là Tĩnh lự.

Giải thích tướng ấy như kinh Viên Giác nói: Đây có ba nghĩa chỉ ở nhất tâm, chẳng phải ba mà là ba, chẳng phải một mà là một, nêu một tức đủ ba, cho nên nói là Diệu, tức là Nhất tâm. Ba quán của tông Thiên Thai, nếu quán này thành thì chứng ba đức Niết-bàn gọi là tạng Bí mật, cho nên nêu các Như Lai ở mười phương được thành Bồ-đề.

Phương tiện đầu tiên: Phương tiện có nhiều thứ, nay hỏi hạnh mẫu thành Phật, lại nói đầu tiên, ý thỉnh thành hạnh mẫu phương tiện. Sáu căn tuy khác nhau nhưng phương tiện đều như thế.

Như Kinh Viên Giác nói: **Phương tiện thuận theo viên nhiếp sở quy có ba loại. Ở đây chỉ cho hạnh mẫu, tức là Phương tiện.** Như Văn kinh ở dưới nói:

Phật hỏi về viên thông từ phương tiện nào mà nhập vào Tam-ma-địa: là chỉ cho phương tiện nhập vào hạnh mẫu.

Văn này thỉnh là hỏi chung, văn dưới đáp là nói riêng. Như Văn ở dưới nói: Có đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm v.v... tức là hứa nói hạnh mẫu thành đạo.

Lại trước hỏi về phát tâm, chạy theo vọng chấp, phá bỏ các nghi, hiển bày tạng tánh, làm cho tin hiểu không nhầm, A-nan do đây mà liền ngộ, phát tâm Bồ-đề, đây là tin hiểu chân chánh thành gốc khởi nhân. Nếu không có nhân này thì dù trải qua nhiều kiếp tu các hạnh môn cũng đều thành tà ngụy. Giống như nấu cát mà muốn thành cơm thì không thể được. Cho nên trong kinh Viên Giác nói rõ ba quán, hiển bày các luận, mỗi luận đều nói ngộ viên giác thanh tịnh. Kinh này cũng vậy, từ đầu đến nửa quyển thứ tư về sau là nói chung về tin hiểu chân chánh, là phương tiện đầu tiên. Tin hiểu tuy biết rõ về tạng tâm, nhưng học rộng không có công phu thì chẳng bằng tu tập, như được ngôi nhà lớn mà không biết cửa vào, cho nên thưa hỏi tu hành tu đâu mà nhiếp phục. Phật liền giải thích về chỉ quán, là pháp tu chân chánh, chỉ quán thành

tự gọi là Tam-muội chân thật, khi nhập vào hạnh này phải có phương tiện. Pháp phương tiện không lìa các căn, vào một căn không luống dối thì các căn còn lại đều thanh tịnh. Cho nên hỏi hai mươi lăm vị Thánh, lại sai Văn-thù chọn lựa. Đây là dùng các căn thuận cơ làm phương tiện đầu tiên. Như văn dưới nói: Nay ta muốn giúp cho A-nan khai ngộ, hai mươi lăm vị Thánh ai làm gốc, phương tiện nào dễ được thành tựu. Đây là từ văn, tư, tu, làm phương tiện đầu tiên. Nghĩa của đầu tiên trước phải hiểu, sau mới thực hành, không ngoài điều này. Hoặc có thể đầu tiên là nghĩa vô thượng bậc nhất, tức là chỉ cho định chân thật làm phương tiện, nếu có thuyết khác thì tôi không biết.

2. Đồng thời đại chúng đều muốn nghe:

Lúc ấy, lại có hằng sa Bồ-tát, và đại A-la-hán, Bích-chi-Phật mười phương đều ưa thích nghe, như khát nước được uống nước mát, như đói được ăn cơm ngon, như bệnh được trị thuốc hay, như ong được hút mật, chúng con cũng thế, xin được nghe pháp cam lộ.

Mỗi vị trở về chỗ mình ngồi im lặng, thừa nhận ý chỉ của Thế tôn. Đại chúng muốn nghe phải nhờ người đứng ra thưa thỉnh. Hiền Thánh Ba thừa, tám bộ vua quan tâm đều rỗng rang, chăm chú im lặng lắng nghe.

Kệ Trí Luận nói: Người nghe phải lắng lòng như khát được uống nước, nhất tâm nhập vào ngữ nghĩa, vui mừng nghe pháp, tâm vừa mừng vừa vui. Người như thế đáng nói cho họ nghe. Nay thọ ý chỉ của Phật, chẳng lẽ khiến cho không đúng như vậy. Dưới đây Như Lai y theo các căn cơ giảng nói rộng. Người xưa phán quyết đều là một đường, lan mùa xuân, cúc mùa thu đều làm đẹp lẫn nhau. Trong tám đoạn của Chấn Công đều giúp trung bày xứng. Nay nói rõ văn kinh lại có lý. Trong văn trước sau hai lần nói kinh. Bắt đầu từ đây trở đi là nêu tên kinh, là hỏi đáp về phần chánh thuyết. Kế là từ nói lời này trở xuống, cho đến không lưu luyến ba cõi. Vì thỉnh được lợi ích nên phải trình bày, phần đầu có bốn đoạn.

- Mở khai hiểu
- Chỉ hạnh mẫu
- Bày vị cao.
- Đặt tên hay.

Bốn đoạn này là năm khoa trước trong tám đoạn, khai hợp, khác nhau, kế là trong phần trình bày, có hai:

Nói về sinh vào các đường khác nhau:

3. Chỉ bày sự khác nhau giáo thiên và cảnh, tức là ba đoạn sau

trong tám đoạn. Nhưng khai phán quyết đều tùy theo mỗi người. Nay ta theo người xưa y vào Chấn Công mà phán đoán, lược bỏ đoạn thứ tám. Chỉ lấy đoạn bảy. Nay trước nói tâm Như Lai Tạng, có hai:

Phá A-nan nhận vọng mê chân, nói kho Như Lai có hai:

1. Y theo tâm thấy để phá hiển, có năm:

- Xét tâm ban đầu có hai:

1. Hỏi về lúc mới phát tâm:

Phật bảo A nan! Ông và Như Lai là bà con, tình đồng anh em.

Khánh Hỷ là em họ của Phật. Ông nội truyền lại cũng gọi là đồng khí. Hoặc có thể chỉ là anh em đồng một loại khí. Thứ lớp anh em, trên dưới kế nhau, ân ái lệ thuộc nhau, bởi tự nhiên như vậy, chẳng phải khiến như vậy, nên nói là anh em.

Luân: Là lý

Quân: Là đồng

Ông mới phát tâm, ở trong pháp của ta thấy tướng cao quý gì mà xả bỏ ân ái sâu nặng ở thế gian: Cha mẹ vợ con là ân ái sâu nặng nhất.

Xả ân ái sâu nặng ở thế gian là chí đạo nhưng không biết tu hành thấy ái còn là tâm vọng, cho nên trước xét hỏi rồi mới phá.

2. Đáp về duyên xả ái:

A-nan bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn con thấy ba mươi hai tướng của Như Lai cao quý tuyệt vời, hình thể sáng rực dường như lưu ly. Như Lai có ba mươi hai đại tướng, đó là dưới chân bằng phẳng lên đến đánh thành nhục kế, đồng thời có tám mươi vẻ đẹp phụ, đó là đánh không thấy, được cho đến tay chân có đức tướng. Từ biển tướng lớn lưu xuất ra tướng phụ nên gọi là (tốt).

Thích Phạm, Luân Vương cũng có đại tướng, nhưng không có tướng tốt, lỡ mờ không thấy rõ nên không gọi là cao quý tuyệt vời, hình trạng thể chất thanh tịnh không dơ bẩn dụ cho lưu ly.

Thường tự suy nghĩ tướng này không phải do dục ái sinh ra vì từ giới, định, tuệ mà thành tựu cho nên nói là phi dục ái.

Vì sao? Vì khí dục như bắn, tanh hôi nường vào nhau, máu mủ lẫn lộn dục ái sinh ra, thuần là bất tịnh. Trong Kinh Đại Tập có nói đủ, thọ sinh đều do cha mẹ và thức tình của mình mà sinh ra ái dục. Bởi vậy, gá vào hai giọt trắng đỏ kia làm chỗ nường cho thức, hòa hợp một chỗ gọi là Ca-ma-la, và dần dần thêm lớn, sau đó ra khỏi thai. Năm thứ hạt nuôi lớn tuy thành tướng người nhưng giống như túi phân, cho nên nói là máu mủ lẫn lộn.

Không thể phát sinh thắng tịnh diệu minh tử kim quang tự: Vàng Diêm-phù-đàn lần lượt so sánh với thân Ca-diếp, thì Vàng dụ như đồng mực, nếu so sánh với thân Phật, thì Ca-diếp như mực, dục ái cảm vờ, không bao giờ được như thế.

Cho nên khát ngưỡng, theo Phật xuất gia: tướng cao quý tuyệt vời biết chẳng phải do ái sinh.

Suy nghĩ khao khát chiêm ngưỡng, cho nên cầu xả ái, nguyện được Phật hoá độ, giúp đổi thân mâu nhiệm: ở đây không biết dùng ái xả ái, làm tăng thêm vọng.

2. Giải thích lý do, có hai:

1) Mê chân:

Đều do không biết chân tâm thường trụ, tánh tịnh minh thể, mê bản chân của mình. Vô thỉ mờ mịt cho nên nói không biết. Bất sinh bất diệt, gọi là Thường trụ. Lìa các vọng ngụy, sáng suốt không mờ tối, nên gọi là chân tâm. Ba đức đầy đủ là chỗ y chỉ của tất cả pháp, cho nên nói là tánh tịnh minh thể, chúng sinh đều như vậy nên nói là đều do.

2) Nhẫn vọng:

Theo các vọng tưởng, tướng này không chân thật cho nên nói có trôi lăn, nhẫn vọng tướng luống dối khác.

(Tám trăm ba mươi hai) Văn kinh ở dưới nói: Đây là tướng tướng luống dối, vọng trần mê hoặc chân tánh của ông, từ vô thỉ đến nay nhận bọn cướp làm con, mất đi nguyên thường của ông cho nên chịu trôi lăn: Cả đời tu hành phần nhiều đồng với chấp này cho nên nhờ A-nan mà rõ được lỗi ấy.

3. Khuyên nói thẳng, có ba:

1) Chánh khuyên:

Nay Ông muốn nghiên cứu về vô thượng Bồ-đề phát minh tánh chân chánh, nên phải đáp cho ngay thẳng những lời ta hỏi.

Văn dưới nói về thức tính nguyên minh, tức là Bồ-đề Niết-bàn vô thỉ, thể vốn thanh tịnh, thể ấy không vọng, không có thay đổi, nên nói là chân tánh.

Nghiên cứu cùng tận: là nghiên cứu cùng tột.

Tịnh Danh nói: Trực tâm là đạo tràng, vì không luống dối, nay suy bản ý đâu được phát ngôn tướng khác.

Muốn tu hành đúng pháp nên phải xác thực, cho nên nay khuyên.

2) Dẫn chứng:

Vì các Như Lai ở mười phương đồng một đường, xa lìa sinh tử đều

dùng trực tâm.

Chư Phật cùng một đường, thoát khổ được vui đều do trực tâm. Ở đây có hai thứ:

Nói ra không luống dối. Như đạo tràng Tịnh Danh mà văn này khuyên.

Tâm hướng lý: Không có ngã rẽ khác.

Tức là như khởi trực tâm trong ba tâm của Khởi Tín, cho nên luận nói:

Một là trực tâm vì hướng về pháp chân như, đây là hai hạnh căn bản. Nay ý kinh này phải đủ cả hai, mới làm cho phát ngôn không luống dối, cuối cùng thành hướng lý tâm bất, mới là mười phương cùng một đường.

3) *Kết thúc lợi ích.*

Vì lời nói của tâm thẳng như thế cho đến giai đoạn trung gian không bao giờ có các tướng tà vạy.

Do mà làm đất, lời ngay tâm thẳng, nếu trái với điều này thì tội chẳng phải nhẹ.

Như kinh ở dưới nói: Nếu nói dối nghiêm trọng thì Tam-ma-đê không được thanh tịnh, thành ma ái kiến, mất hạt giống Như Lai. Nếu các Tỳ-kheo tâm thẳng như dây đàn, tất cả chân thật, nhập vào Tam-ma-địa, không bao giờ có việc ma. Ta ấn khả cho người này thành tựu Bồ-đề vô thượng tri giác: Phát tâm gọi là Thủ, rốt ráo gọi là Chung. Trong thời gian búng ngón tay se được siêu sanh, nên nói là tà vạy.

4. Hỏi về ái kiến, có hai:

1. *Hỏi:*

A-nan! Bây giờ ta hỏi ông: Ngay khi Ông phát tâm thì duyên với ba mươi hai tướng của Như Lai là dùng cái gì, mà thấy? Ai là người ưa thích, tâm thấy hai cửa.

Do lời hỏi này, dưới đã do tâm không lỗi, chỉ cái thấy lầm xưng cho nên thành hai chướng ràng buộc, chẳng khế hợp với ba không. Cho nên ở dưới hỏi đều biết nguồn gốc của vọng.

2. *Đáp:* A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Sự ưa thích đó là dùng tâm mắt của con: chỉ nhắc lại hai ngón tay, khéo léo lược bỏ. Do mắt nhìn thấy tướng cao siêu của Như Lai mà tâm sinh ưa thích cho nên phát tâm nguyện bỏ sinh tử. Đây là trình bày thể của vọng, mắt là nhãn căn, tâm là ý thức. Căn thức luống dối giống như hoa đốm trong hư không. Nếu chấp có thân để thấy để ưa, thì đâu chỉ mê lầm pháp không mà còn khởi kiến ái nhân ngã. Cho nên văn dưới nói: Sáu căn làm môi

giới cho bọn cướp tự cướp tài sản trong nhà, tập khí luống dối từ vô thi, trụ địa vô minh đều do căn thức, chẳng phải vật nào khác. Tướng của tướng là trần, thức tình là cấu, sinh tử trôi lăn đều do đây mà ra. Cho nên ở dưới nảy sinh, giúp cho biết là luống dối.

5. Nói về chân vọng, có hai:

Suy chỗ ở của vọng, có bảy:

1) *Phá ở bên trong, có hai:*

a) Lập: có bốn:

b) Nhắc lại trước để nói:

Phật bảo A nan như lời ông nói sự ưa thích do tâm mắt, nếu không biết chỗ ở của tâm và mắt, thì không thể hàng phục được trần lao.

Tâm và mắt là gốc, trần lao là ngọn. Nếu mê chỗ nương của gốc thì các ngọn khó dứt, vì nhiễm ô nên nói là Trần, Ưu não nên gọi là lao, tức là chỉ chung hai chướng.

2) *Nêu việc để so sánh:*

Thí như nhà vua là chân tánh.

Bị giặc xâm chiếm là phiền não mê chân.

Dấy binh dẹp trừ, là dùng trí.

Binh này phải biết chỗ ở của giặc: là khí cụ mà người đánh giặc cầm.

3) *Chỉ lỗi để hỏi:*

Khiến cho tâm mắt ông trôi lăn là lỗi: Là chỉ bày sai lầm. Nay ta hỏi ông có tâm và mắt này hiện giờ ở đâu? Là hỏi chung chỗ ở.

4) *Dẫn dụ để đáp, có hai:*

a) Dẫn cái khác làm dụ:

A-nan bạch Phật! Bạch Đức Thế tôn mười loại di sinh trong tất cả thế gian đều cho thức tâm ở trong thân, dù cho nhìn thấy đôi mắt như hoa sen xanh của Như Lai cũng ở trên mặt Phật: văn dưới có mười hai loại. Nay nêu số lớn, phạm phu tạo nghiệp khác nhau, cảm quả khác nhau, gọi là Di sinh.

Tất cả thế gian: Nêu chỗ nương để hiển bày chánh, trước nêu tâm phạm ở trong, sau chỉ mắt Phật ở ngoài, muốn so sánh rằng mình cũng như vậy.

b) Chỉ rồi kết đáp:

Nay con quán phù căn bốn trần này là ở bên ngoài, còn thức tâm như thế thật ở trong thân, dùng nhãn sắc thì không thể thấy, cho nên chỉ cho phù trần căn: Thánh phạm đã vậy thì ở mình cũng vậy, mặt và tâm mắt ở trong thân là chỗ nhất định.

5) *Phá có hai:*

- **Chánh phá, có ba:**

a) Hỏi vì cảnh trong ngoài:

Phật bảo A nan! Nay ông hiện đang ngồi trong giảng đường của Như Lai, thấy rừng Kỳ-đà hiện giờ ở chỗ nào? Bạch Đức Thế tôn! giảng đường đại trùng các thanh tịnh ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng ở ngoài giảng đường, trong ngoài đã phân, chấp thật rõ ràng.

b) Định thấy trước sau:

A-nan! Nay ông ở trong giảng đường thấy cái gì trước?

Bạch Đức Thế tôn con ở trong giảng đường thấy Thế tôn trước, kế thấy đại chúng. Như thế nhìn ra ngoài mới thấy rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Định trước sau: Muốn phá tâm ở trong thân của A-nan không thể thấy lần lượt như thế.

c) Lý do thấy:

A-nan! ông nhìn kỹ rừng Kỳ-đà và vườn Cấp Cô Độc do đâu mà thấy?

Bạch Đức Thế tôn: Cánh cửa đại giảng đường mở rộng cho nên con ở trong giảng đường được nhìn thấy xa: Giảng đường chính là thân.

A-nan: là tâm

Như Lai và đại chúng là năm tạng phủ, cánh cửa là căn.

- **Chỉ rõ sự lợi ích an vui:**

Bấy giờ, Đức Thế tôn ở trong đại chúng duỗi cánh tay màu vàng ròng xoa đầu ngài A-nan.

Dùng lòng từ thâm nhiếp, như cha dặn con nói năng vỗ về, ở đây có ba ý:

a) An ủi tâm A-nan, bảo đừng sợ hãi.

b) Dặn dò nhớ lấy đừng quên mất.

c) Dạy nay hứa nói không luống dối, cho nên duỗi cánh tay là hiện tướng đại bi.

Bảo A-nan và đại chúng có Tam-ma-đề tên là Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Vương, đầy đủ muôn hạnh, các Đức Như lai trong mười phương cùng một cửa siêu xuất, con đường diệu trang nghiêm. Dưới nói Bạc-già-Phạm mười phương một đường đến Niết-bàn, đường thẳng không khác, thông đến đảo châu báu nên nói là một cửa. Biển quả thanh tịnh, đức chúng đầy đủ, cho nên nói là trang nghiêm, Tam-ma-địa chân thật, do chỗ mang dép đi nên gọi là Đường.

Nay ông lắng nghe! A-nan đánh lễ kính thọ ý chỉ của đấng Từ

phụ, ý phá vọng, (tám trăm ba mươi ba) vì muốn hiển bày chân, lược nêu tông khen đức, làm cho kính mến, đâu phải là uổng phí, trách không biết chỗ trở về.

Lúc ấy, A-nan cung kính thọ lãnh.

6) *Ví dụ hiển rõ chỗ mất*: có ba

Dẫn ví dụ hỏi:

Phật bảo A nan! Như lời ông nói, thân ông ở trong giảng đường vì cánh cửa giảng đường mở rộng nên nhìn xa thấy được rừng cây thái tử Kỳ-đà vườn ông Cấp Cô Độc, vậy có chúng sinh nào ở trong giảng đường này lại không thấy Như Lai mà lại thấy người ở ngoài giảng đường hay không? Trái với lý thường dẫn đến hỏi, dẫn Khánh Hỷ để đáp thẳng.

Đáp theo lý:

A-nan đáp rằng: Bạch Đức Thế tôn! ở trong giảng đường lại không thấy Như Lai, chỉ thấy rừng suối bên ngoài thì không có việc ấy: là chỉ biết y theo lý trình bày thẳng, không biết suy tính, thật sai lầm.

7) *Hợp dụ đoạt phá*, có ba:

a) Chính là bác bỏ.

A-nan! Ông cũng như thế, tâm ở ngoài thân, như người ở trong giảng đường, tâm linh của ông, tất cả đều thấy rõ. Nếu ông hiện tiền hiểu rõ tâm thật ở trong thân thì bấy giờ trước phải biết rõ trong thân, có nhiều chúng sinh trước thấy trong thân, sau mới thấy vật bên ngoài, tâm có thể lạnh lợi, trong ngoài đều duyên cho nên nói tất cả hiểu rõ, hường bên ngoài đã hiểu rõ muôn duyên, nếu ở trong thì phải biết tạng phủ.

Rất giống như hầy, cũng là ngữ tà ông thấy chúng sinh đáng có điều này.

b) Phá dọc:

Dẫu không thể thấy tim gan, tỳ, bao tử, móng dài ra, tóc dài, gân chuyển mạch động, thì cũng phải hiểu rõ, vì sao lại không biết? Bên trong phủ tạng kín đáo, dù cho không biết gân mạch, da mỏng cũng đâu phải khó hiểu.

c) Trở lại trách:

Nếu không biết bên trong, làm sao biết bên ngoài: nắm tạng phủ ở chung, đích thân nhìn thấy muôn vật lìa khác, thật cho rằng sơ là xa. Nếu không hiểu rõ trong thân thì làm sao thấy được vật bên ngoài.

1. Kết thúc bác bỏ:

Cho nên biết, ông nói tâm giác liễu tâm bất ở trong thân ông thì không có việc ấy. Cảnh gió động bên ngoài, vọng tưởng huân ở bên

trong, sống thức thâm sinh ra là tướng của tự tâm, hoa đốm trong hư không huyền hóa, sinh diệt không từ đâu, không hiểu rõ bốn như, trở thành vọng chấp, và suy chỗ của vọng cho là ở trong thân. Trái lại, che lấp lý cùng tột không có chỗ y cứ, cho nên Phật kết, giúp cho ngộ được sự sai trái.

2. Bác bỏ bên ngoài, có hai:

1. Lập có hai:

a) Chính là lập:

A-nan cúi đầu bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, con nghe pháp âm như thế của Như Lai, con ngộ được tâm con thật ở ngoài thân, Trong thân không chống chế, ngoài thân cũng vậy. Không nghe được lời nói của Thế tôn, thì không ngộ được yếu chỉ này. Cho nên cúi đầu trước Phật, chẳng phải là đứng, mà là đầu cúi sát đất trong thời gian ngắn, nên gọi là cúi đầu.

b) Giải thích thành, có hai:

- Dẫn dụ lãnh ngộ sự sai trái ở trước.

Vì sao? Ví ví như đèn sáng ở trong nhà, đèn này phải chiếu sáng ở trong nhà trước, sau đó mới đến ngoài sân: Cách dẫn dụ so sánh theo pháp, khiến cho nhận lỗi ở trước.

- Nhiếp dụ thành lập nghĩa nay:

Tất cả chúng sinh không thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ánh đèn ở ngoài nhà không thể chiếu sáng trong nhà được, đèn ở ngoài nhà không thể chiếu sáng trong nhà được. Tâm ở ngoài thân làm sao phản chiếu được: ở đây chấp tâm có lỗi lìa thân, cho nên dưới đây là phá.

Nếu rõ nghĩa này thì không bị mê hoặc, đồng với sự hiểu nghĩa của Phật, chẳng phải luống dối ư?

Lý ở ngoài thân, pháp dụ cho ngang bằng, dùng đây để quán phải không có nghi ngờ tối tăm, Phật nói hiểu nghĩa có thể đồng hay sao?

2. Bác bỏ, có hai:

a) Chính là bác bỏ có hai:

- Dẫn ví dụ để lập lý, có hai:

+ Hỏi một người ăn, nhiều người đều no:

Phật bảo A-nan: các Tỳ-kheo này vừa rồi theo ta khát thực theo thứ lớp trong thành Thất-la-phiệt, trở về rừng Kỳ-đà, ta đã thọ trai, ông hãy xem các Tỳ-kheo khi một vị ăn thì những vị kia có no hay không?

Trước nói phó thỉnh, Hán dịch là khát thực, khát thực là nghi thức bình thường, nêu rộng làm ví dụ. Lại trước tuy phó thỉnh nhưng chưa

hắn là Tăng tậ.

Người khác khát thực cho nên nêu việc này. Túc là chuẩn bị.

+ Đáp: A-nan đáp rằng, Bạch Đức Thế tôn không vì sao? Vì các Tỳ-kheo này tuy là A-la-hán nhưng thân mạng khác nhau, làm sao một vị ăn mà làm cho nhiều vị khác no được.

Trước hỏi một vị ăn nhiều vị no, nay đáp thân mạng khác nhau là trái với lời hỏi trước.

Ý hiển rõ tâm, nếu lìa thân thì đồng với vị khác ăn. Người khác ăn no thì không phải là ta no, tâm biết đâu có quan hệ gì với thân ta, thân tâm ngoài nhau tự tha có thể so sánh theo đó.

- Y theo lý mà suy phá, có hai:

1) *Dùng lý định ngoài nhau:*

Phật bảo A nan: Nếu tâm biết rõ thấy được của ông thật ở ngoài thân: đây là nhấc lại.

Thân tâm ở ngoài nhau thì tự nó không liên quan nhau, chắc chắn ở ngoài nhau, ở ngoài thì giống như lìa.

Tâm đã lìa thân thì không liên can nhau: Như trước đáp khi một vị ăn thì không thể làm cho nhiều người no, tâm biết mà thân không biết, biết là ở thân, tâm không thể biết, giải thích thành tướng ấy.

Nếu tâm ở ngoài thì lý phải như thế, văn nói rất dễ thấy.

b) Y theo cái thấy nghiệm về biết nhau:

Nay ta hỏi ông! cánh tay đầu-la-miên này, khi mắt ông nhìn thấy, thì tâm có phân biệt chăng?

A-nan đáp rằng: Bạch Đức Thế tôn có phân biệt. Phật bảo A nan!

Nếu biết sao lại nói ở ngoài thân.

Đầu-la-miên: Hán dịch là Sương, là cánh tay của Phật mềm mại như đầu-la-miên, là một tướng trong ba mươi hai tướng. Mắt thuộc về phần thân. Nếu tâm lìa thì phải không có phân biệt. Nếu phân biệt thì phải chẳng lìa thân, vì không lìa nên gọi là biết, cho nên ở đây trách nói nếu biết thì làm sao gọi là ở ngoài.

2) *Kết thúc bác bỏ:*

Cho nên biết, ông nói tâm giác liễu biết được ở ngoài thân, thì không có việc ấy, rất dễ hiểu.

